

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2026

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 449/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2025)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á** (sau đây gọi là “Ngân hàng TMCP Nam Á” hoặc “Nam A Bank”).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-28) 3929 6699 Số fax: (84-28) 3929 6688
Website: www.namabank.com.vn
- Vốn điều lệ: 17.156.864.800.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy nghìn một trăm năm mươi sáu tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
- Mã cổ phiếu: NAB.
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Số hiệu tài khoản: 119946 - Code Citad: 79306001.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/09/1992 cấp thay đổi lần thứ 45 ngày 03/08/2023.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Mã số: 6419).
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã số: 6810).
 - Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã số: 4773).
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước; Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Mở tài khoản: mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

khác; Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Dịch vụ môi giới tiền tệ; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định; Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế; Lưu ký chứng khoán; Kinh doanh vàng miếng; Đại lý bảo hiểm; Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Nam Á; Hoạt động mua nợ; Ví điện tử; Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định Luật chứng khoán; Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán; Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

8. Giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13/04/2023; Quyết định số 2933/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/08/2025.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025 đã được Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á thông qua tại Nghị quyết số 729/2025/NQQT-NHNA ngày 05/06/2025 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 449/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/11/2025. Theo đó, thông tin trái phiếu chào bán được phê duyệt như sau:

1. Tên Trái Phiếu: Trái Phiếu Nam A Bank phát hành ra công chúng năm 2025 (Trái Phiếu).
2. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm. Trái phiếu là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.

3. Hình thức Trái Phiếu: Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Việt Nam Đồng dưới hình thức bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu.
4. Đồng tiền phát hành: Việt Nam Đồng.
5. Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/Trái Phiếu.
6. Giá chào bán: Giá chào bán bằng 100% mệnh giá tương đương 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (Một) trái phiếu.
7. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:
 Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 20.000.000 Trái Phiếu (Hai mươi triệu Trái Phiếu) trong đó:
 - Đợt 1: 10.000.000 Trái Phiếu (Mười triệu Trái Phiếu).
 - Đợt 2: 10.000.000 Trái Phiếu (Mười triệu Trái Phiếu) + số lượng Trái Phiếu chưa phân phối hết của đợt 1.
8. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá:
 Tổng giá trị trái phiếu chào bán: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng), trong đó:
 - Đợt 1: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng).
 - Đợt 2: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng) + giá trị Trái Phiếu chưa phân phối hết của đợt 1.
9. Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm.
10. Lãi suất:

Lãi suất của Trái phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ

- Biên độ 5 năm đầu tiên: 2,8%/năm (Hai phẩy tám phần trăm/năm).
- Biên độ từ năm thứ 6: 3,4%/năm (Ba phẩy bốn phần trăm/năm).

Trong đó:

- **Lãi Suất Tham Chiếu:** đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân (nếu chữ số thập phân ở hàng thứ ba bằng hoặc lớn hơn 5 thì số được làm tròn lên; nếu chữ số thập phân thứ ba nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống).
- **Ngân Hàng Tham Chiếu:** bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng thương

mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”).

– Ngày Xác Định Lãi Suất:

- Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất đầu tiên: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Phát Hành.
- Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất tiếp theo: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày bắt đầu của mỗi Kỳ Xác Định Lãi Suất.

Nội dung về việc áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu sẽ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank năm 2025.

11. Thời gian phân phối Trái Phiếu:

Thời gian chào bán của từng đợt chào bán không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

- Đợt 1: Dự kiến Quý IV/2025 – Quý I/2026.
- Đợt 2: Dự kiến Quý I/2026 – Quý II/2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2.

12. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank ký ngày 24/11/2025.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC (ĐỢT 1)

1. Số lượng chứng khoán đã phát hành: 10.000.000 Trái Phiếu (*Mười triệu Trái Phiếu*), trong đó:

| TT | Mã Trái Phiếu | Số lượng Trái Phiếu chào bán (Trái Phiếu) | Số lượng Trái Phiếu chào bán thành công (Trái Phiếu) | Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết (Trái Phiếu) |
|------------------|---------------|---|--|--|
| 1 | NAB202501 | 10.000.000 | 10.000.000 | 0 |
| Tổng cộng | | 10.000.000 | 10.000.000 | 0 |

2. Ngày kết thúc đợt chào bán: 30/12/2025.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 449/UBCK-GCN ngày 27/11/2025)

A. Thông tin về tài chính

1. Cập nhật thông tin mục 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Thông tin về cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Nam A Bank tại thời điểm 28/02/2026

| TT | Cổ đông | Số lượng cổ đông (cổ đông) | Số lượng cổ phần (cổ phần) | Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%) |
|------------|---------------------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|
| I | Trong nước | 9.649 | 1.691.165.739 | 98,571% |
| 1 | Cá nhân | 9.594 | 648.637.224 | 37,806% |
| 2 | Tổ chức | 55 | 1.042.528.515 | 60,765% |
| II | Nước ngoài | 90 | 24.520.741 | 1,429% |
| 1 | Cá nhân | 64 | 765.152 | 0,045% |
| 2 | Tổ chức | 26 | 23.755.589 | 1,384% |
| III | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| | Tổng cộng | 9.739 | 1.715.686.480 | 100% |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/02/2026 của Nam A Bank

1.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

1.3. Các loại chứng khoán khác

Bảng 6a: Thông tin về trái phiếu chào bán ra công chúng đang lưu hành của Nam A Bank tại thời điểm 28/02/2026

| TT | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Khối lượng (TP) | Mệnh giá (đồng/trái phiếu) | Giá trị theo mệnh giá (tỷ đồng) | Lãi suất | Kỳ hạn (năm) |
|----|------------------|----------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------|------------------|--------------|
| 1 | NAB125004 | 30/12/2025 | 10.000.000 | 100.000 | 1.000 | Lãi suất thả nổi | 07 |
| | Tổng cộng | | 10.000.000 | | 1.000 | | |

Nguồn: Nam A Bank

2. Cập nhật thông tin khoản 8.1 Ngành nghề kinh doanh chính tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

2.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu của Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|--|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 19.338.340 | 90,67% | 17.411.705 | 91,09% | 22.356.378 | 87,22% |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 1.141.487 | 5,35% | 951.749 | 4,98% | 730.010 | 2,85% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 271.855 | 1,27% | 156.345 | 0,82% | 190.908 | 0,74% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 70.892 | 0,33% | 120.898 | 0,63% | 238.767 | 0,93% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 0,00% | 864 | 0,00% | 6.434 | 0,03% |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 499.519 | 2,35% | 467.647 | 2,45% | 2.102.180 | 8,20% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 5.352 | 0,03% | 6.414 | 0,03% | 8.401 | 0,03% |
| Tổng cộng | 21.327.445 | 100% | 19.115.622 | 100% | 25.633.078 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu của Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|-------------------------------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thu nhập lãi và các khoản thu | 19.338.340 | 90,70% | 17.411.707 | 91,12% | 22.356.378 | 87,22% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|--|-------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| nhập tương tự | | | | | | |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 1.141.500 | 5,35% | 951.804 | 4,98% | 730.086 | 2,85% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 271.855 | 1,28% | 156.345 | 0,82% | 190.908 | 0,74% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 70.892 | 0,33% | 120.898 | 0,63% | 238.767 | 0,93% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 0,00% | 864 | 0,00% | 6.434 | 0,03% |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 499.520 | 2,34% | 467.824 | 2,45% | 2.107.499 | 8,22% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 38 | 0,00% | 22 | 0,00% | 2.222 | 0,01% |
| Tổng cộng | 21.322.145 | 100% | 19.109.464 | 100% | 25.632.294 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận của Nam A Bank (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|---|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thu nhập lãi thuần | 6.611.654 | 86,79% | 7.890.021 | 87,52% | 8.549.090 | 74,44% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 594.442 | 7,80% | 565.842 | 6,28% | 604.091 | 5,26% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 0,19% | 2.807 | 0,03% | 23.029 | 0,20% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán | 59.287 | 0,78% | 123.787 | 1,37% | 235.274 | 2,05% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|---|------------------|-------------|------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| đầu tư | | | | | | |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 0,00% | 864 | 0,01% | 6.434 | 0,06% |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 332.939 | 4,37% | 425.868 | 4,72% | 2.057.562 | 17,92% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 5.352 | 0,07% | 6.414 | 0,07% | 8.401 | 0,07% |
| Tổng cộng | 7.618.281 | 100% | 9.015.603 | 100% | 11.483.881 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận của Nam A Bank (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|---|-----------|----------|-----------|----------|-----------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thu nhập lãi thuần | 6.647.309 | 86,96% | 7.937.820 | 87,69% | 8.616.622 | 74,70% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 590.031 | 7,72% | 560.966 | 6,20% | 588.182 | 5,10% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 0,19% | 2.807 | 0,03% | 23.029 | 0,20% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 59.287 | 0,78% | 123.787 | 1,37% | 235.274 | 2,04% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 0,00% | 864 | 0,01% | 6.434 | 0,06% |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 332.939 | 4,35% | 425.797 | 4,70% | 2.062.855 | 17,88% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 38 | 0,00% | 22 | 0,00% | 2.222 | 0,02% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|-------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tổng cộng | 7.644.211 | 100% | 9.052.063 | 100% | 11.534.618 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

2.2. Hoạt động huy động vốn

Tương tự như các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, huy động vốn là hoạt động truyền thống của Nam A Bank. Giai đoạn từ sau năm 2023 đến nay, nguồn vốn huy động của Nam A Bank có sự tăng trưởng khá ấn tượng. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư huy động vốn của Nam A Bank đạt 221.198 tỷ đồng, tăng 17,05% so với thời điểm cuối năm 2023. Tính đến thời điểm 31/12/2025, số dư huy động vốn của Nam A Bank đạt 388.714 tỷ đồng, tăng mạnh 75,73% so với thời điểm cuối năm 2024. Với hệ thống mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng, lãi suất huy động được điều chỉnh hợp lý, kịp thời và phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động kể từ năm 2015 đến nay của Ngân hàng là rất khả quan.

Bảng 11: Huy động trong nước và ngoài nước tại Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Trong nước | 187.193.337 | 98,96% | 220.302.498 | 99,37% | 386.314.089 | 99,29% |
| Ngoài nước | 1.964.738 | 1,04% | 1.391.664 | 0,63% | 2.780.168 | 0,71% |
| Tổng cộng | 189.158.075 | 100% | 221.694.162 | 100% | 389.094.257 | 100% |

Nguồn: Nam A Bank

Bảng 12: Huy động trong nước và ngoài nước tại Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Trong nước | 187.011.559 | 98,96% | 219.806.147 | 99,37% | 385.933.657 | 99,28% |
| Ngoài nước | 1.964.738 | 1,04% | 1.391.664 | 0,63% | 2.780.168 | 0,72% |
| Tổng cộng | 188.976.297 | 100% | 221.197.811 | 100% | 388.713.825 | 100% |

Nguồn: Nam A Bank

Nam A Bank chủ yếu huy động vốn từ các nguồn trong nước. Tại thời điểm 31/12/2024, số dư huy động trong nước đạt 219.806 tỷ đồng, tăng trưởng 17,54% so với thời điểm cuối năm 2023 và chiếm 99,37% tổng vốn huy động. Tính đến thời điểm 31/12/2025, số dư huy động trong nước đạt 385.934 tỷ đồng, tăng mạnh 75,58% so với thời điểm cuối năm 2024 và chiếm 99,28% tổng vốn huy động.

Bảng 13: Hoạt động huy động vốn tại Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 345 | 0,00% | 2.577.611 | 1,16% | 18.028.593 | 4,63% |
| Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác | 24.021.362 | 12,7% | 39.195.158 | 17,68% | 157.152.466 | 40,39% |
| Tiền gửi của khách hàng | 145.611.035 | 76,98% | 158.831.511 | 71,64% | 178.192.750 | 45,80% |
| Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | - | 0,00% | 6.768 | 0,00% | - | 0,00% |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 1.066.465 | 0,56% | 1.076.174 | 0,49% | 2.412.358 | 0,62% |
| Phát hành giấy tờ có giá | 18.458.868 | 9,76% | 20.006.940 | 9,03% | 33.308.090 | 8,56% |
| Tổng huy động | 189.158.075 | 100% | 221.694.162 | 100% | 389.094.257 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 14: Hoạt động huy động vốn tại Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--------------|------------|----------|------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Các khoản nợ | 345 | 0,00% | 2.577.611 | 1,17% | 18.028.593 | 4,64% |

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Chính phủ và NHNN | | | | | | |
| Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác | 24.021.674 | 12,71% | 39.196.315 | 17,72% | 157.154.091 | 40,43% |
| Tiền gửi của khách hàng | 145.428.945 | 76,96% | 158.334.003 | 71,58% | 177.810.693 | 45,74% |
| Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | - | 0,00% | 6.768 | 0,00% | - | 0,00% |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 1.066.465 | 0,56% | 1.076.174 | 0,49% | 2.412.358 | 0,62% |
| Phát hành giấy tờ có giá | 18.458.868 | 9,77% | 20.006.940 | 9,04% | 33.308.090 | 8,57% |
| Tổng huy động | 188.976.297 | 100% | 221.197.811 | 100% | 388.713.825 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

(i) Tiền vay Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đạt khoảng 2.578 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2025, các khoản nợ này tăng mạnh đạt 18.029 tỷ đồng, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng vốn huy động.

(ii) Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác

Về tiền gửi và vay của các TCTD khác, số dư tại thời điểm 31/12/2024 đạt 39.196 tỷ đồng, tăng 15.174 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2023, chiếm khoảng 17,72% tổng nguồn vốn huy động. Tính đến thời điểm 31/12/2025, số dư này đạt 157.154 tỷ đồng, tăng mạnh 117.958 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm khoảng 40,43% tổng nguồn vốn huy động.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 15: Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Nam A Bank (Riêng lẻ)*DVT: Triệu đồng*

| Khoản mục | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Tiền gửi của các TCTD khác | 22.816.967 | 37.715.294 | 154.419.063 |
| Bảng VND | 21.848.967 | 35.665.068 | 147.069.510 |
| Bảng USD | 968.000 | 2.050.226 | 7.349.553 |
| Vay các TCTD khác | 1.204.395 | 1.479.864 | 2.733.403 |
| Bảng VND | 64.814 | 961.103 | 91.223 |
| Bảng USD | 1.139.581 | 518.761 | 2.642.180 |
| Tổng cộng | 24.021.362 | 39.195.158 | 157.152.466 |

*Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank***Bảng 16: Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Nam A Bank (Hợp nhất)***DVT: Triệu đồng*

| Khoản mục | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Tiền gửi của các TCTD khác | 22.816.967 | 37.715.294 | 154.419.063 |
| Bảng VND | 21.848.967 | 35.665.068 | 147.069.510 |
| Bảng USD | 968.000 | 2.050.226 | 7.349.553 |
| Vay các TCTD khác | 1.204.707 | 1.481.021 | 2.735.028 |
| Bảng VND | 65.126 | 962.260 | 92.848 |
| Bảng USD | 1.139.581 | 518.761 | 2.642.180 |
| Tổng cộng | 24.021.674 | 39.196.315 | 157.154.091 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Số dư tiền gửi của các TCTD khác tại 31/12/2024 đạt 37.715 tỷ đồng, trong đó tiền gửi bằng VND là 35.665 tỷ đồng, còn lại 2.050 tỷ đồng là tiền gửi bằng ngoại tệ (USD). Tính đến thời điểm 31/12/2025, số dư này đạt 154.419 tỷ đồng, tăng mạnh 309,43% so với thời điểm cuối năm 2024, trong đó bao gồm 147.070 tỷ đồng tiền gửi bằng VND, còn lại 7.350 tỷ đồng tiền gửi bằng ngoại tệ (USD).

Số dư tiền vay của các TCTD khác tại thời điểm 31/12/2024 là 1.481 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn huy động của Nam A Bank, trong đó tiền vay bằng VND là 962 tỷ đồng còn lại 519 tỷ đồng là tiền vay bằng ngoại tệ (USD). Tính đến thời

điểm 31/12/2025, con số này đạt 2.735 tỷ đồng, trong đó tiền vay bằng VND đạt 93 tỷ đồng, còn lại là tiền vay bằng USD đạt 2.642 tỷ đồng.

(iii) Tiền gửi của khách hàng

Nam A Bank là một trong những ngân hàng cổ phần có quy mô khá nhưng được ghi nhận tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi nhanh trong hệ thống các ngân hàng. Nam A Bank huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và cá nhân thông qua nhiều kênh khác nhau. Các hình thức huy động vốn đa dạng, linh hoạt nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu gửi tiền của khách hàng. Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng vốn huy động trong dân cư đạt 158.334 tỷ đồng, tăng 8,87% so với thời điểm cuối năm 2023 và chiếm 71,58% tổng vốn huy động. Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng vốn huy động trong dân cư đạt 177.811 tỷ đồng, tăng 12,30% so với thời điểm cuối năm 2024 và chiếm 45,74% tổng vốn huy động.

Về đối tượng

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tiền gửi của khách hàng gồm 123.736 tỷ đồng từ nhóm khách hàng cá nhân, chiếm 78,15%, và 32.957 tỷ đồng từ nhóm khách hàng doanh nghiệp, chiếm 20,81%. Tính đến thời điểm 31/12/2025, tiền gửi từ khách hàng cá nhân tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, đạt 135.597 tỷ đồng (tăng 9,59% so với thời điểm cuối năm 2024), tương đương 76,25% tổng tiền gửi của khách hàng. Bên cạnh đó, tiền gửi từ khách hàng doanh nghiệp đạt 40.553 tỷ đồng (tăng 23,05% so với thời điểm cuối năm 2024) và chiếm 22,81% tổng tiền gửi của khách hàng.

Bảng 17: Tiền gửi của khách hàng tại Nam A Bank theo đối tượng khách hàng (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Tiền gửi của khách hàng | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|-------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Cá nhân | 110.553.797 | 75,92% | 123.735.973 | 77,91% | 135.596.774 | 76,10% |
| Tổ chức | 33.413.499 | 22,95% | 33.454.267 | 21,06% | 40.934.982 | 22,97% |
| Đối tượng khác | 1.643.739 | 1,13% | 1.641.271 | 1,03% | 1.660.994 | 0,93% |
| Tổng cộng | 145.611.035 | 100% | 158.831.511 | 100% | 178.192.750 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 18: Tiền gửi của khách hàng tại Nam A Bank theo đối tượng khách hàng (Hợp nhất)*ĐVT: Triệu đồng*

| Tiền gửi của khách hàng | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|-------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Cá nhân | 110.553.797 | 76,02% | 123.735.973 | 78,15% | 135.596.774 | 76,26% |
| Tổ chức | 33.231.409 | 22,85% | 32.956.759 | 20,81% | 40.552.925 | 22,81% |
| Đối tượng khác | 1.643.739 | 1,13% | 1.641.271 | 1,04% | 1.660.994 | 0,93% |
| Tổng cộng | 145.428.945 | 100% | 158.334.003 | 100% | 177.810.693 | 100% |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank***Về kỳ hạn**

Xét theo thời hạn huy động tiền gửi của khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn luôn chiếm tỷ trọng cao (chiếm lần lượt 92,40%, 93,37% và 93,90% tổng tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2023, 31/12/2024 và 31/12/2025), điều này tạo cho Nam A Bank có sự ổn định và chủ động trong việc điều hành và quản lý khả năng thanh toán.

Bảng 19: Tiền gửi của khách hàng tại Nam A Bank theo kỳ hạn (Riêng lẻ)*ĐVT: Triệu đồng*

| Tiền gửi của khách hàng | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 10.003.475 | 6,87% | 9.768.555 | 6,15% | 10.551.920 | 5,92% |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 134.549.843 | 92,40% | 148.329.718 | 93,39% | 167.336.630 | 93,91% |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng | 769.691 | 0,53% | 497.745 | 0,31% | 65.413 | 0,04% |
| Tiền ký quỹ | 288.026 | 0,20% | 235.493 | 0,15% | 238.787 | 0,13% |
| Tổng cộng | 145.611.035 | 100% | 158.831.511 | 100% | 178.192.750 | 100% |

*Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank**[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

Bảng 20: Tiền gửi của khách hàng tại Nam A Bank theo kỳ hạn (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Tiền gửi của khách hàng | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 9.997.385 | 6,87% | 9.760.047 | 6,16% | 10.546.863 | 5,93% |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 134.373.843 | 92,40% | 147.840.718 | 93,37% | 166.959.630 | 93,90% |
| Tiền gửi vốn chuyên dùng | 769.691 | 0,53% | 497.745 | 0,32% | 65.413 | 0,04% |
| Tiền ký quỹ | 288.026 | 0,20% | 235.493 | 0,15% | 238.787 | 0,13% |
| Tổng cộng | 145.428.945 | 100% | 158.334.003 | 100% | 177.810.693 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

(iv) Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

Chủ yếu liên quan đến các giao dịch kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ. Các khoản này có giá trị không đáng kể.

(v) Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay

Khoản vốn này được sử dụng để tài trợ cho các dự án theo mục đích đã thỏa thuận. Tại thời điểm 31/12/2024, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro đạt 1.076 tỷ đồng, tăng 0,91% so với thời điểm cuối năm 2023, chiếm 0,49% tổng huy động. Tính đến 31/12/2025, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro đạt 2.412 tỷ đồng, tăng mạnh 124,16% so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm 0,62% tổng vốn huy động.

(vi) Phát hành giấy tờ có giá

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị phát hành các giấy tờ có giá đạt 20.007 tỷ đồng, trong đó chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm của Nam A Bank đạt 4.000 tỷ đồng, chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm trở lên đạt 12.047 tỷ đồng và trái phiếu trên 1 năm đạt 3.960 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng giá trị phát hành các giấy tờ có giá đạt 33.308 tỷ đồng, tăng 13.301 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm 8,57% tổng vốn huy động.

Dự kiến trong các năm tiếp theo, Nam A Bank tiếp tục đẩy mạnh phát hành các giấy tờ có giá với các kỳ hạn và lãi suất hợp lý để thu hút nguồn vốn trong dân cư và các tổ chức kinh tế để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

2.3. Hoạt động tín dụng

Theo đặc thù của ngành ngân hàng Việt Nam, tín dụng là mảng hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu của Nam A Bank. Trong các năm qua, tăng trưởng tín dụng của Nam A

Bank biến động theo chiều hướng khá tích cực. Cụ thể, tại thời điểm 31/12/2024, dư nợ cho vay khách hàng đạt 167.738 tỷ đồng, tăng 18,59% so với thời điểm cuối năm 2023 và chiếm 82% tổng dư nợ cho vay của ngân hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2025, dư nợ cho vay khách hàng tiếp tục tăng lên 197.608 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 17,81% so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm 56,01% tổng dư nợ cho vay của Nam A Bank.

Sự tăng trưởng quy mô hoạt động tín dụng của Ngân hàng xuất phát từ việc Nam A Bank đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, bên cạnh nhu cầu vay vốn tăng cao do kinh tế ổn định và phát triển nhanh chóng. Ngoài ra, Ngân hàng có nhiều chính sách để mở rộng thị trường, hướng tới nhiều đối tượng khách hàng với nhiều ưu đãi, từ đó dẫn đến tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn này.

Bảng 21: Dư nợ cho vay của Nam A Bank (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tiền gửi và cho vay TCTD | 22.591.302 | 13,77% | 36.809.783 | 18,00% | 155.203.142 | 43,99% |
| Cho vay khách hàng | 141.438.441 | 86,23% | 167.737.997 | 82,00% | 197.607.593 | 56,01% |
| Tổng cộng | 164.029.743 | 100% | 204.547.780 | 100% | 352.810.735 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 22: Dư nợ cho vay của Nam A Bank (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Tiền gửi và cho vay TCTD | 22.591.302 | 13,77% | 36.809.783 | 18,00% | 155.203.142 | 43,99% |
| Cho vay khách hàng | 141.438.441 | 86,23% | 167.737.997 | 82,00% | 197.607.593 | 56,01% |
| Tổng cộng | 164.029.743 | 100% | 204.547.780 | 100% | 352.810.735 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

Tốc độ tăng trưởng tín dụng phải đi liền với tính an toàn và hiệu quả của hoạt động tín

dụng, tại Nam A Bank chất lượng tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu luôn thấp hơn mức cho phép theo quy định của NHNN ($\leq 3\%$). Tỷ lệ nợ xấu của Nam A Bank tại thời điểm 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025 lần lượt là 2,12%; 2,33% và 2,15%.

Bảng 23: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 133.053.654 | 94,07% | 161.359.386 | 96,20% | 190.759.675 | 96,54% |
| Nợ cần chú ý | 5.395.665 | 3,81% | 2.469.632 | 1,47% | 2.587.781 | 1,31% |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 820.666 | 0,58% | 264.304 | 0,16% | 262.454 | 0,13% |
| Nợ nghi ngờ | 1.182.425 | 0,84% | 1.027.409 | 0,61% | 1.550.418 | 0,78% |
| Nợ có khả năng mất vốn | 986.031 | 0,70% | 2.617.266 | 1,56% | 2.447.265 | 1,24% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 24: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 133.053.654 | 94,07% | 161.359.386 | 96,20% | 190.759.675 | 96,54% |
| Nợ cần chú ý | 5.395.665 | 3,81% | 2.469.632 | 1,47% | 2.587.781 | 1,31% |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 820.666 | 0,58% | 264.304 | 0,16% | 262.454 | 0,13% |
| Nợ nghi ngờ | 1.182.425 | 0,84% | 1.027.409 | 0,61% | 1.550.418 | 0,78% |
| Nợ có khả năng mất vốn | 986.031 | 0,70% | 2.617.266 | 1,56% | 2.447.265 | 1,24% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Song song với việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tín dụng, Nam A Bank thường xuyên chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng của các khoản cho vay để đảm bảo an toàn hiệu quả trong hoạt động tín dụng. Chất lượng tín dụng của Nam A Bank luôn được đảm bảo trong giới hạn an toàn cho phép. Nợ dù tiêu chuẩn đạt tỷ lệ cao và duy trì trong nhiều năm nay. Ngoài ra, Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo đúng quy định.

Sản phẩm tín dụng

Để thuận lợi trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển, các sản phẩm tín dụng cho khách hàng của Nam A Bank được phân loại và quản lý theo thời hạn vay, theo ngành kinh tế và đối tượng vay.

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo thời hạn vay

Trong tổng dư nợ tín dụng của Nam A Bank, các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng gia tăng cả về giá trị lẫn tỷ trọng trong những năm gần đây. Đồng thời, các khoản vay trung hạn cũng ghi nhận mức tăng về giá trị và tỷ trọng. Sự thay đổi này phù hợp với quy định của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư số 22/2019/TT-NHNN”) và Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/08/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN. Theo đó, Nam A Bank phải tuân thủ tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn theo lộ trình của NHNN.

Dư nợ cho vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 đạt 91.524 tỷ đồng, tăng 18,26% so với thời điểm cuối năm 2023 và chiếm 54,56% tổng dư nợ tín dụng. Tính đến thời điểm 31/12/2025, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 105.709 tỷ đồng, tăng 15,50% so với thời điểm cuối năm 2024 và chiếm 53,49% tổng dư nợ tín dụng

Dư nợ cho vay trung hạn tại thời điểm 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025 lần lượt đạt 20.841 tỷ đồng; 27.730 tỷ đồng và 26.982 tỷ đồng, chiếm lần lượt 14,73%; 16,53% và 13,65% tổng dư nợ tín dụng.

Dư nợ cho vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025 lần lượt đạt 43.204 tỷ đồng; 48.484 tỷ đồng và 64.917 tỷ đồng, chiếm lần lượt 30,55%; 28,91% và 32,85% tổng dư nợ tín dụng.

Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ tín dụng luôn được Nam A Bank chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 25: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|------------------|------------|----------|------------|----------|-------------|----------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Cho vay ngắn hạn | 77.393.620 | 54,72% | 91.523.999 | 54,56% | 105.708.768 | 53,49% |

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|-------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Cho vay trung hạn | 20.841.076 | 14,73% | 27.730.309 | 16,53% | 26.982.317 | 13,66% |
| Cho vay dài hạn | 43.203.745 | 30,55% | 48.483.689 | 28,91% | 64.916.508 | 32,85% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 26: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|-------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Cho vay ngắn hạn | 77.393.620 | 54,72% | 91.523.999 | 54,56% | 105.708.768 | 53,49% |
| Cho vay trung hạn | 20.841.076 | 14,73% | 27.730.309 | 16,53% | 26.982.317 | 13,66% |
| Cho vay dài hạn | 43.203.745 | 30,55% | 48.483.689 | 28,91% | 64.916.508 | 32,85% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo ngành nghề kinh doanh

Trong những năm gần đây, Nam A Bank đã đẩy mạnh cho vay nhiều ngành nghề ít rủi ro như bán buôn bán lẻ, cho vay hộ gia đình, dịch vụ lưu trú và ăn uống... và một số ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, NHNN. Dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản của Nam A Bank chiếm lần lượt 9,05%; 11,91% và 16,79% trên tổng dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025. Tỷ trọng dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản trên tổng dư nợ cho vay khách hàng tại Nam A Bank đã tăng trong giai đoạn 2023 – nay, điều này là phù hợp với xu hướng chung của hệ thống ngân hàng trong những năm gần đây, đặc biệt là trong giai đoạn việc phát hành trái phiếu huy động vốn của các doanh nghiệp bất động sản bị thu hẹp. Mặc dù vậy, tốc độ tăng trưởng của dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản qua các năm là không đáng kể.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 27: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)*DVT: Triệu đồng*

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 55.693.320 | 39,38% | 71.636.507 | 42,71% | 63.848.634 | 32,31% |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 15.730.332 | 11,12% | 23.416.639 | 13,96% | 20.724.976 | 10,49% |
| Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 13.949.297 | 9,86% | 12.243.761 | 7,30% | 16.865.473 | 8,53% |
| Xây dựng | 10.241.206 | 7,24% | 12.418.316 | 7,40% | 12.035.529 | 6,09% |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 11.513.182 | 8,14% | 7.758.888 | 4,63% | 6.806.444 | 3,44% |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 12.802.865 | 9,05% | 19.982.380 | 11,91% | 33.186.221 | 16,79% |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | 3.623.355 | 2,56% | 3.560.168 | 2,12% | 3.676.317 | 1,86% |
| Nghệ thuật, vui chơi và giải trí | 3.683.797 | 2,61% | 2.687.391 | 1,60% | 9.950.308 | 5,04% |
| Các ngành khác | 14.201.087 | 10,04% | 14.033.947 | 8,37% | 30.513.691 | 15,44% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

*Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank**[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

Bảng 28: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|--|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 55.693.320 | 39,38% | 71.636.507 | 42,71% | 63.848.634 | 32,31% |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống | 15.730.332 | 11,12% | 23.416.639 | 13,96% | 20.724.976 | 10,49% |
| Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 13.949.297 | 9,86% | 12.243.761 | 7,30% | 16.865.473 | 8,53% |
| Xây dựng | 10.241.206 | 7,24% | 12.418.316 | 7,40% | 12.035.529 | 6,09% |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 11.513.182 | 8,14% | 7.758.888 | 4,63% | 6.806.444 | 3,44% |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản | 12.802.865 | 9,05% | 19.982.380 | 11,91% | 33.186.221 | 16,79% |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | 3.623.355 | 2,56% | 3.560.168 | 2,12% | 3.676.317 | 1,86% |
| Nghệ thuật, vui chơi và giải trí | 3.683.797 | 2,61% | 2.687.391 | 1,60% | 9.950.308 | 5,04% |
| Các ngành khác | 14.201.087 | 10,04% | 14.033.947 | 8,37% | 30.513.691 | 15,44% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của Nam A Bank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh cá thể:

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, Nam A Bank đa dạng hóa các hình thức tín dụng cá nhân, bao gồm: Cho vay mua bất động sản; vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; vay linh hoạt; vay siêu tốc; vay tiêu dùng tín chấp; vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh trả góp; vay phát triển kinh tế hộ gia đình; vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; gói sản phẩm hỗ trợ du học. Dư nợ tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lần lượt 19,88%; 17,53% và 15,04% tại 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025.

Đối với khách hàng doanh nghiệp:

Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp luôn ở mức cao trong cơ cấu tổng dư nợ cho vay khách hàng của Nam A Bank và có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn 2023 – nay. Cụ thể, tỷ trọng này lần lượt đạt 80,12% tại ngày 31/12/2023; 82,47% tại ngày 31/12/2024 và 84,96% tại ngày 31/12/2025. Trong nhóm khách hàng doanh nghiệp, đối tượng chiếm tỷ trọng lớn là các công ty cổ phần và công ty TNHH.

Bảng 29: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|---------------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Công ty TNHH | 61.289.527 | 43,33% | 80.371.152 | 47,92% | 112.088.047 | 56,72% |
| Công ty cổ phần | 51.962.750 | 36,74% | 57.818.921 | 34,47% | 54.807.023 | 27,74% |
| Doanh nghiệp tư nhân | 32 | 0,00% | 32 | 0,00% | 32 | 0,00% |
| Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể | 28.125.006 | 19,88% | 29.410.543 | 17,53% | 29.727.506 | 15,04% |
| Khác | 61.126 | 0,05% | 137.349 | 0,08% | 984.985 | 0,50% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Bảng 30: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Khoản mục | 31/12/2023 | | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | |
|---------------------------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Công ty TNHH | 61.289.527 | 43,33% | 80.371.152 | 47,92% | 112.088.047 | 56,72% |
| Công ty cổ phần | 51.962.750 | 36,74% | 57.818.921 | 34,47% | 54.807.023 | 27,74% |
| Doanh nghiệp tư nhân | 32 | 0,00% | 32 | 0,00% | 32 | 0,00% |
| Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể | 28.125.006 | 19,88% | 29.410.543 | 17,53% | 29.727.506 | 15,04% |
| Khác | 61.126 | 0,05% | 137.349 | 0,08% | 984.985 | 0,50% |
| Tổng cộng | 141.438.441 | 100% | 167.737.997 | 100% | 197.607.593 | 100% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Nam A Bank được tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30/12/2016, quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư số 41/2016/TT-NHNN”) và các văn bản pháp luật có liên quan (Nam A Bank không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 22/2019/TT-NHNN theo quy định).

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Nam A Bank tại thời điểm 31/12/2023; 31/12/2024 và 31/12/2025 đảm bảo cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

Bảng 31: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và hợp nhất của Nam A Bank

| Chỉ số | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ | 11,09% | 12,54% | 11,10% |
| Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất | 11,16% | 12,66% | 11,18% |

Nguồn: Nam A Bank

Rủi ro lãi suất và phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Rủi ro lãi suất được Nam A Bank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực dương sau

khi loại trừ các chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Nam A Bank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Nam A Bank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

Tại thời điểm 31/12/2024, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của Nam A Bank tăng 33,77% so với thời điểm cuối năm 2023 đạt 2.065 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2025, số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng đạt 2.275 tỷ đồng, tăng 10,14% so với thời điểm cuối năm 2024.

Bảng 32: Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|------------------|------------------|------------------|
| Dự phòng cụ thể | 490.407 | 826.702 | 810.857 |
| Dự phòng chung | 1.053.393 | 1.238.405 | 1.463.702 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 1.543.800 | 2.065.107 | 2.274.559 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 33: Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|------------------|------------------|------------------|
| Dự phòng cụ thể | 490.407 | 826.702 | 810.857 |
| Dự phòng chung | 1.053.393 | 1.238.405 | 1.463.702 |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 1.543.800 | 2.065.107 | 2.274.559 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

2.4. Hoạt động đầu tư tài chính và kinh doanh ngoại hối

(i) Hoạt động đầu tư tài chính

Nhằm sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả, Nam A Bank đã đẩy mạnh hoạt động Đầu tư tài chính, trong đó Nam A Bank đã tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các tổ chức tài chính cũng như các tổ chức kinh tế khác.

Bảng 34: Hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|---------------|----------------|----------------|
| Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 59.287 | 123.787 | 235.274 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 5.352 | 6.414 | 8.401 |
| Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính | 64.639 | 130.201 | 243.675 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 35: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|---------------|----------------|----------------|
| Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 59.287 | 123.787 | 235.274 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 38 | 22 | 2.222 |
| Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính | 59.325 | 123.809 | 237.496 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

(ii) Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng)

Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng) của Nam A Bank chủ yếu phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng.

Bảng 36: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---------------|--------------|---------------|
| Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối | 271.855 | 156.345 | 190.908 |
| Chi phí từ kinh doanh ngoại hối | (257.248) | (153.538) | (167.879) |
| Lãi thuần hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 2.807 | 23.029 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 37: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)*ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---------------|--------------|---------------|
| Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối | 271.855 | 156.345 | 190.908 |
| Chi phí từ kinh doanh ngoại hối | (257.248) | (153.538) | (167.879) |
| Lãi thuần hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 2.807 | 23.029 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank***2.5. Hoạt động dịch vụ, thanh toán quốc tế và thẻ****Hoạt động dịch vụ trong nước****Bảng 38: Hoạt động dịch vụ trong nước (Riêng lẻ)***ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|----------------|----------------|----------------|
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ trong nước | 1.141.487 | 951.749 | 730.010 |
| Chi phí từ hoạt động dịch vụ trong nước | (547.045) | (385.907) | (125.919) |
| Lợi nhuận thuần từ dịch vụ trong nước | 594.442 | 565.842 | 604.091 |

*Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank***Bảng 39: Hoạt động dịch vụ trong nước (Hợp nhất)***ĐVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|----------------|----------------|----------------|
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ trong nước | 1.141.500 | 951.804 | 730.086 |
| Chi phí từ hoạt động dịch vụ trong nước | (551.469) | (390.838) | (141.904) |
| Lợi nhuận thuần từ dịch vụ trong nước | 590.031 | 560.966 | 588.182 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank***Hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế**

Tính đến 31/12/2025, Nam A Bank đã thiết lập quan hệ đại lý với 147 ngân hàng ở 32 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Doanh số phát hành L/C năm 2024 đạt 68 triệu USD, doanh số phát hành L/C đạt 71 triệu USD. Tính đến 28/02/2026, doanh số phát hành L/C đạt 9.5 triệu USD.

Doanh số tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế năm 2024 đạt 1.164 triệu USD; tương ứng, Phí dịch vụ tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế năm 2024 đạt 343 tỷ đồng. Tính

đến 31/12/2025, doanh số tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế toàn ngân hàng đạt 1.222 triệu USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2024, phí dịch vụ đạt 29 tỷ VND, giảm 92% so với năm 2024 do ảnh hưởng của các yếu tố khách quan từ thị trường. Tính đến 28/02/2026, doanh số tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế toàn ngân hàng đạt 215 triệu USD, tăng 46% so với cùng kỳ năm 2025, tương ứng phí dịch vụ đạt 4 tỷ VND.

Hoạt động thẻ

Song song với quá trình phát triển các sản phẩm ngân hàng, Nam A Bank đặc biệt chú trọng đầu tư và nâng cấp sản phẩm, dịch vụ thẻ cả về công nghệ, hệ thống vận hành lẫn tính năng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số thẻ lưu hành đạt 1.032.547 thẻ, tăng 115.633 thẻ, tương ứng mức tăng trưởng 12,60% so với cuối năm 2023. Dư nợ thẻ tín dụng (Credit) tại thời điểm này đạt 1.700 tỷ đồng, tăng 129 tỷ đồng, tương đương mức tăng 8% so với cuối năm trước.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số thẻ lưu hành đạt 1.080.042 thẻ, tăng 47.495 thẻ (tương đương tăng 4,60%) so với thời điểm cuối năm 2024. Dư nợ thẻ tín dụng là 1.524 tỷ đồng, giảm 176 tỷ đồng, tương đương giảm 10,35% so với thời điểm cuối năm 2024, phù hợp với xu hướng chung của thị trường. Tính đến thời điểm 28/02/2026 tổng số thẻ lưu hành là 1.094.775 thẻ, tăng 14.733 thẻ so với thời điểm 31/12/2025, tương đương với mức tăng trưởng 1,36% so với cuối năm trước. Dư nợ thẻ tín dụng (Credit) tại thời điểm 28/02/2026 là 1.487 tỷ đồng, giảm 37 tỷ đồng, tương đương giảm 2,43% so với cuối năm trước.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

3. Cập nhật thông tin khoản 8.2 Tài sản tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÓ CHỨC PHÁT HÀNH

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị tài sản cố định của Nam A Bank đạt 3.222 tỷ đồng, tăng 31,12% so với thời điểm cuối năm 2023. Sau khi trừ khấu hao lũy kế 1.034 tỷ đồng, giá trị còn lại của tài sản cố định là 2.188 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2025, tài sản cố định đạt 3.614 tỷ đồng, tăng nhẹ 12,16% so với thời điểm cuối năm 2024; sau khi khấu trừ khoản khấu hao lũy kế 1.244 tỷ đồng, giá trị còn lại là 2.370 tỷ đồng.

Bảng 40: Tình hình tài sản cố định (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | | | 31/12/2024 | | | 31/12/2025 | | |
|--------------------------------|----------------|------------------------|-----------------|----------------|------------------------|-----------------|----------------|------------------------|-----------------|
| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
| Tài sản cố định hữu hình | 1.553.198 | 652.129 | 901.069 | 2.306.199 | 777.494 | 1.528.705 | 2.718.022 | 977.972 | 1.740.050 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 782.115 | 187.767 | 594.348 | 1.454.872 | 227.807 | 1.227.065 | 1.654.732 | 307.398 | 1.347.334 |
| Máy móc thiết bị | 450.686 | 251.452 | 199.234 | 498.357 | 307.315 | 191.042 | 586.154 | 369.085 | 217.069 |
| Phương tiện vận tải | 258.397 | 164.814 | 93.583 | 283.665 | 189.772 | 93.893 | 405.050 | 244.643 | 160.407 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 42.019 | 33.629 | 8.390 | 45.008 | 36.006 | 9.002 | 47.589 | 37.948 | 9.641 |
| Tài sản khác | 19.981 | 14.467 | 5.514 | 24.297 | 16.594 | 7.703 | 24.497 | 18.898 | 5.599 |
| Tài sản cố định vô hình | 744.439 | 162.847 | 581.592 | 755.607 | 176.090 | 579.517 | 766.902 | 191.129 | 575.773 |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 205.587 | 10.553 | 195.034 | 205.587 | 16.920 | 188.667 | 205.587 | 23.287 | 182.300 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | | | 31/12/2024 | | | 31/12/2025 | | |
|---------------------------------------|------------------|------------------------|------------------|------------------|------------------------|------------------|------------------|------------------------|------------------|
| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
| Phương tiện vận tải | 259.211 | 165.630 | 93.581 | 284.479 | 190.588 | 93.891 | 405.049 | 244.644 | 160.405 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 42.020 | 33.629 | 8.391 | 45.044 | 36.007 | 9.037 | 47.625 | 37.956 | 9.669 |
| Tài sản khác | 19.981 | 14.467 | 5.514 | 24.297 | 16.594 | 7.703 | 24.497 | 18.898 | 5.599 |
| Tài sản cố định vô hình | 744.439 | 162.847 | 581.592 | 755.607 | 176.090 | 579.517 | 766.902 | 191.129 | 575.773 |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 205.587 | 10.553 | 195.034 | 205.587 | 16.920 | 188.667 | 205.587 | 23.287 | 182.300 |
| Quyền sử dụng đất không thời hạn | 356.378 | - | 356.378 | 356.378 | - | 356.378 | 356.378 | - | 356.378 |
| Phần mềm máy tính | 182.474 | 152.294 | 30.180 | 193.642 | 159.170 | 34.472 | 204.937 | 167.842 | 37.095 |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 158.913 | 54.577 | 104.336 | 159.317 | 79.572 | 79.745 | 128.832 | 75.214 | 53.618 |
| Tổng cộng | 2.457.366 | 870.369 | 1.586.997 | 3.222.105 | 1.033.997 | 2.188.108 | 3.613.923 | 1.244.390 | 2.369.533 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

4. Cập nhật thông tin khoản 8.3 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 43: Chỉ số an toàn hoạt động Nam A Bank

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | Quy định | Ghi chú |
|--|------------|------------|------------|--|---|
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản | 20,38% | 23,42% | 20,37% | Tối thiểu 10% | Thông tư số 22/2019/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn | 19,93% | 22,33% | 23,87% | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/09/2021: Tối đa 40% - Từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/09/2022: Tối đa 37% - Từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 30/09/2023: Tối đa 34% - Từ ngày 01/10/2023: Tối đa 30% | |
| Giới hạn góp vốn mua cổ phần | 4,79% | 4,06% | 1,61% | Tối đa 40% | |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi | 75,05% | 76,98% | 53,29% | Tối đa 85% | |
| Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ | 11,09% | 12,54% | 11,10% | Tối thiểu 8% | Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 |
| Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất | 11,16% | 12,66% | 11,18% | Tối thiểu 8% | |

Nguồn: Nam A Bank

5. Cập nhật thông tin mục 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại
Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 53: Tình hình thanh toán gốc, lãi trong 03 năm gần nhất

| TT | Mã trái phiếu | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Tình hình thanh toán gốc/ lãi trái phiếu |
|----|-----------------------------|--------|----------------|--|
| 1 | NAB.BOND.01.2019.200 | 10 năm | 24/09/2019 | Đã thanh toán đầy đủ lãi phát sinh trong kỳ |
| 2 | NABL2225001 ⁽¹⁾ | 03 năm | 21/04/2022 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 3 | NABL2225002 ⁽²⁾ | 03 năm | 27/05/2022 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 4 | NABL2329001 ⁽³⁾ | 06 năm | 26/06/2023 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 5 | NABL2329002 ⁽⁴⁾ | 06 năm | 29/06/2023 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 6 | NABL2329003 ⁽⁵⁾ | 06 năm | 30/06/2023 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 7 | NABL2330004 | 07 năm | 01/12/2023 | Đã thanh toán đầy đủ lãi phát sinh trong kỳ |
| 8 | NABL2330005 | 07 năm | 15/12/2023 | Đã thanh toán đầy đủ lãi phát sinh trong kỳ |
| 9 | NABL2326006 ⁽⁶⁾ | 03 năm | 27/12/2023 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 10 | NABL2326007 ⁽⁷⁾ | 03 năm | 28/12/2023 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 11 | NABL2427001 ⁽⁸⁾ | 03 năm | 31/05/2024 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 12 | NABL2430002 ⁽⁹⁾ | 06 năm | 26/06/2024 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 13 | NABL2430003 ⁽¹⁰⁾ | 06 năm | 12/07/2024 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |

| TT | Mã trái phiếu | Kỳ hạn | Ngày phát hành | Tình hình thanh toán gốc/ lãi trái phiếu |
|----|-----------------------------|--------|----------------|--|
| 14 | NABL2427004 ⁽¹¹⁾ | 03 năm | 31/07/2024 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 15 | NABL2427005 ⁽¹²⁾ | 03 năm | 12/08/2024 | Đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi phát sinh trong kỳ |
| 16 | NAB12501 | 03 năm | 25/06/2025 | Chưa phát sinh |
| 17 | NAB12502 | 07 năm | 26/06/2025 | Chưa phát sinh |
| 18 | NAB12503 | 07 năm | 14/07/2025 | Chưa phát sinh |
| 19 | NAB12504 | 07 năm | 20/08/2025 | Chưa phát sinh |
| 20 | NAB12505 | 07 năm | 30/09/2025 | Chưa phát sinh |
| 21 | NAB125004 | 07 năm | 30/12/2025 | Chưa phát sinh |

Nguồn: Nam A Bank

Lưu ý:

(1) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 21/04/2023;

(2) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 27/05/2024;

(3) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 26/06/2024;

(4) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 01/07/2024;

(5) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 01/07/2024;

(6) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 27/12/2024;

(7) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 28/12/2024;

(8) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 31/05/2025;

(9) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 26/06/2025;

(10) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 14/07/2025;

(11) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 31/07/2025;

(12) Nam A Bank mua lại toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành vào ngày 12/08/2025.

6. Cập nhật thông tin mục 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

❖ Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số dư giá trị trái phiếu do Nam A Bank đã phát hành

nhưng chưa đáo hạn là 4.760 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó, trái phiếu phát hành riêng lẻ là 3.760 tỷ đồng, chiếm 78,99% tổng số dư giá trị trái phiếu đã phát hành; trái phiếu phát hành ra công chúng là 1.000 tỷ đồng, chiếm 21,01% tổng số dư giá trị trái phiếu đã phát hành.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn trên, Nam A Bank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

❖ **Hình thức thuê và sử dụng đất**

Trụ sở chính của Nam A Bank đặt tại số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh là đất thuộc sở hữu của Nam A Bank.

Đối với phần đất thuê của Nam A Bank để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Nam A Bank thực hiện thanh toán tiền thuê đất theo quy định tại các hợp đồng thuê đất và pháp luật có liên quan. Giá trị quyền sử dụng đất của Nam A Bank tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

Bảng 54: Giá trị quyền sử dụng đất (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|----------------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 205.587 | 23.287 | 182.300 |
| Quyền sử dụng đất không thời hạn | 356.378 | - | 356.378 |
| Tổng cộng | 561.965 | 23.287 | 538.678 |

Nguồn: Nam A Bank

Bảng 55: Giá trị quyền sử dụng đất (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|----------------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 205.587 | 23.287 | 182.300 |
| Quyền sử dụng đất không thời hạn | 356.378 | - | 356.378 |
| Tổng cộng | 561.965 | 23.287 | 538.678 |

Nguồn: Nam A Bank

❖ **Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác**

Trong quá trình hoạt động thông thường của Nam A Bank, Ngân hàng đưa ra các cam kết

mà chưa được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán, hay còn gọi là cam kết ngoại bảng.

Các cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh tài chính, chấp nhận thanh toán, thư tín dụng. Nhiều khoản cam kết sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra của Nam A Bank trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

Bảng 56: Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra của Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Bảo lãnh vay vốn | - | 3.658.967 | 6.502.759 |
| Cam kết giao dịch hối đoái | 14.694.595 | 8.075.790 | 32.955.256 |
| Cam kết giao dịch hoán đổi | 12.105.195 | 8.075.790 | 31.903.656 |
| Cam kết mua ngoại tệ | 2.420.000 | - | 341.770 |
| Cam kết bán ngoại tệ | 169.400 | - | 709.830 |
| Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng | 6.116.593 | 549.881 | 211.585 |
| Thư tín dụng trả chậm | 6.116.593 | 549.881 | 187.292 |
| Thư tín dụng trả ngay | - | - | 24.293 |
| Bảo lãnh khác | 9.884.653 | 3.669.698 | 3.619.714 |
| Cam kết bảo lãnh thanh toán | 684.543 | 620.517 | 1.252.704 |
| Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 231.470 | 190.387 | 231.092 |
| Cam kết bảo lãnh dự thầu | 8.752 | 13.858 | 103.373 |
| Cam kết bảo lãnh khác | 8.959.888 | 2.844.936 | 2.032.545 |
| Cam kết khác | - | 149.669 | 81.882 |
| Tiền ký quỹ | (38.910) | (13.448) | (29.463) |
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra | 30.656.931 | 16.090.557 | 43.341.733 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 57: Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra của Nam A Bank (Hợp nhất)*DVT: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Bảo lãnh vay vốn | - | 3.658.967 | 6.502.759 |
| Cam kết giao dịch hối đoái | 14.694.595 | 8.075.790 | 32.955.256 |
| <i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i> | 12.105.195 | 8.075.790 | 31.903.656 |
| <i>Cam kết mua ngoại tệ</i> | 2.420.000 | - | 341.770 |
| <i>Cam kết bán ngoại tệ</i> | 169.400 | - | 709.830 |
| Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng | 6.116.593 | 549.881 | 211.585 |
| <i>Thư tín dụng trả chậm</i> | 6.116.593 | 549.881 | 187.292 |
| <i>Thư tín dụng trả ngay</i> | - | - | 24.293 |
| Bảo lãnh khác | 9.884.653 | 3.669.698 | 3.619.714 |
| <i>Cam kết bảo lãnh thanh toán</i> | 684.543 | 620.517 | 1.252.704 |
| <i>Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i> | 231.470 | 190.387 | 231.092 |
| <i>Cam kết bảo lãnh dự thầu</i> | 8.752 | 13.858 | 103.373 |
| <i>Cam kết bảo lãnh khác</i> | 8.959.888 | 2.844.936 | 2.032.545 |
| Cam kết khác | - | 149.669 | 81.882 |
| Tiền ký quỹ | (38.910) | (13.448) | (29.463) |
| Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra | 30.656.931 | 16.090.557 | 43.341.733 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank**[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

7. Cập nhật thông tin khoản 1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm gần đây và lũy kế đến quý gần nhất tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

Bảng 58: Kết quả hoạt động kinh doanh của Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | %tăng/ giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|---|--------------|-------------|--------------|---|
| Tổng giá trị tài sản | 210.046.355 | 245.592.950 | 418.681.282 | 70,48% |
| Vốn chủ sở hữu | 15.213.282 | 19.260.023 | 23.402.257 | 21,51% |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 19.338.340 | 17.411.705 | 22.356.378 | 28,40% |
| Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự | (12.726.686) | (9.521.684) | (13.807.288) | 45,01% |
| Thu nhập lãi thuần | 6.611.654 | 7.890.021 | 8.549.090 | 8,35% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 594.442 | 565.842 | 604.091 | 6,76% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 2.807 | 23.029 | 720,41% |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 864 | 6.434 | 644,68% |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư | 59.287 | 123.787 | 235.274 | 90,06% |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 332.939 | 425.868 | 2.057.562 | 383,15% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 5.352 | 6.414 | 8.401 | 30,98% |
| Thu nhập hoạt động | 7.618.281 | 9.015.603 | 11.483.881 | 27,38% |
| Chi phí hoạt động | (3.467.920) | (3.951.147) | (3.768.970) | (4,61)% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt | 4.150.361 | 5.064.456 | 7.714.911 | 52,33% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | %tăng/ giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|---|-----------|-----------|-------------|---|
| động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | | | | |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (847.804) | (520.902) | (2.463.326) | 372,90% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.302.557 | 4.543.554 | 5.251.585 | 15,58% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (680.938) | (936.461) | (1.069.351) | 14,19% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.621.619 | 3.607.093 | 4.182.234 | 15,94% |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức | 25% (*) | 25% (**) | 20% (***) | - |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

(*) Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023.

(**) Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật tại ngày 31/12/2024 căn cứ trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024).

(***) HĐQT Nam A Bank dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%.

Bảng 59: Kết quả hoạt động kinh doanh của Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | %tăng/ giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|--|-------------|-------------|-------------|---|
| Tổng giá trị tài sản | 209.896.239 | 245.128.983 | 418.333.322 | 70,66% |
| Vốn chủ sở hữu | 15.241.792 | 19.288.533 | 23.430.767 | 21,48% |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 19.338.340 | 17.411.707 | 22.356.378 | 28,40% |

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | %tăng/ giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|--|--------------|-------------|--------------|---|
| Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự | (12.691.031) | (9.473.887) | (13.739.756) | 45,03% |
| Thu nhập lãi thuần | 6.647.309 | 7.937.820 | 8.616.622 | 8,55% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 590.031 | 560.966 | 588.182 | 4,85% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 14.607 | 2.807 | 23.029 | 720,41% |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh | - | 864 | 6.434 | 644,68% |
| Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư | 59.287 | 123.787 | 235.274 | 90,06% |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 332.939 | 425.797 | 2.062.855 | 384,47% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 38 | 22 | 2.222 | 10000,00% |
| Thu nhập hoạt động | 7.644.211 | 9.052.063 | 11.534.618 | 27,43% |
| Chi phí hoạt động | (3.492.455) | (3.985.763) | (3.817.758) | (4,22)% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 4.151.756 | 5.066.300 | 7.716.860 | 52,32% |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (847.804) | (520.902) | (2.463.326) | 372,90% |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.303.952 | 4.545.398 | 5.253.534 | 15,58% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | (682.333) | (938.305) | (1.071.300) | 14,17% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.621.619 | 3.607.093 | 4.182.234 | 15,94% |

| Chi tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | %tăng/ giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|-------------------------------------|----------|----------|-----------|---|
| Tỷ lệ chi lợi nhuận hoặc trả cổ tức | 25% (*) | 25% (**) | 20% (***) | - |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

() Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023.*

*(**) Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật tại ngày 31/12/2024 căn cứ trên BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024).*

*(***) HĐQT Nam A Bank dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%.*

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản tăng 70,66% so với thời điểm cuối năm 2024 đạt mốc 418.333 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng 21,48%, từ 19.289 tỷ đồng lên 23.431 tỷ đồng. Về kết quả kinh doanh năm 2025, lợi nhuận sau thuế của Nam A Bank đạt 4.182 tỷ đồng, tăng 15,94% so với năm 2024. Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ việc đẩy mạnh hoạt động cho vay, giúp thu nhập lãi thuần đạt 8.617 tỷ đồng, tăng 8,55% so với năm 2024. Thu nhập từ hoạt động khác đạt 2.063 tỷ đồng, tăng 384,47% so với năm 2024. Bên cạnh đó, việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ngân hàng số và nâng cao tiện ích cho khách hàng đã góp phần duy trì nguồn thu ổn định từ các hoạt động phi tín dụng của ngân hàng.

8. Cập nhật thông tin khoản 1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Nam A Bank tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

8.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Nam A Bank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Năm 2025, trong bối cảnh lạm phát tại các nền kinh tế lớn dần được kiểm soát, FED bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất và từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ; Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng điều chỉnh chính sách theo hướng hỗ trợ tăng trưởng. Diễn biến này góp phần cải thiện điều kiện tài chính toàn cầu, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, qua đó hỗ trợ triển vọng phục hồi kinh tế tại Mỹ và châu Âu. Tại Việt Nam, Chính phủ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô, bao gồm điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ, từng bước giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, lãi suất cho vay bình quân bằng đồng Việt Nam của các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay mới và các khoản vay hiện hữu còn dư nợ dao động trong khoảng từ 6,6% đến 8,9%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với các lĩnh

vực ưu tiên ở mức khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (4,0%/năm). Nhờ các biện pháp điều hành nêu trên, nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP năm 2025 ước đạt 8,02% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, tỷ giá VND/USD vẫn duy trì ở mức cao trong một số thời điểm, tạo áp lực nhất định lên thị trường ngoại hối và chi phí nhập khẩu. Bên cạnh đó, năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021 – 2025, đồng thời là năm triển khai mạnh mẽ việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Công tác lập pháp tiếp tục ghi nhận nhiều dấu ấn với việc Quốc hội thông qua nhiều Luật và Nghị quyết, trong đó một số Nghị quyết nhanh chóng được triển khai vào thực tiễn. Tính đến ngày 31/12/2025, Nam A Bank đã huy động được 388.714 tỷ đồng từ cá nhân và tổ chức kinh tế, tăng 75,73% so với thời điểm cuối năm 2024. Dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 197.608 tỷ đồng, tăng 17,81% so với năm trước, hoàn thành 101,86% kế hoạch. Ngân hàng đã kiểm soát tốt chất lượng tín dụng với tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 2,16%.

❖ **Khó khăn**

Năm 2025, bối cảnh kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước còn nhiều khó khăn, với tăng trưởng kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, áp lực lạm phát và biến động trên thị trường tài chính tiền tệ quốc tế, ảnh hưởng đến chi phí vốn và dòng vốn đầu tư. Trong nước, mặc dù kinh tế có dấu hiệu cải thiện, sức cầu và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa phục hồi đồng đều, tác động đến nhu cầu tín dụng và chất lượng tài sản. Bên cạnh đó, ngành ngân hàng tiếp tục đối mặt với áp lực kiểm soát nợ xấu, rủi ro tín dụng gia tăng ở một số lĩnh vực, biên lợi nhuận lãi thuần chịu ảnh hưởng từ mặt bằng lãi suất và cạnh tranh gay gắt, cùng với yêu cầu ngày càng cao về tuân thủ pháp lý, an toàn vốn, quản trị rủi ro và đầu tư chuyên đổi số

❖ **Thuận lợi**

- Năm 2024, tăng trưởng kinh tế được ghi nhận GDP tăng 7,09% so với năm 2023, duy trì xu hướng tích cực quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%, quý IV tăng 7,55%). Đến năm 2025, GDP tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025 và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh đầu tư và thương mại quốc tế suy giảm. Năm 2024, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Vốn đăng ký cấp mới có 3.375 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 19,73 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 7,6% về số vốn đăng ký. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2025 đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước, cao nhất trong 5 năm qua. Vốn đăng ký cấp mới có 4.054 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 17,32 tỷ USD, tăng 20,1% so với năm trước về số dự án và giảm 12,2% về số vốn đăng ký. Đầu tư nước ngoài tập trung vào các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, phù hợp với chủ trương

nâng cao chất lượng, ưu tiên các dự án hiện đại, có sức lan tỏa về công nghệ, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, đồng thời đáp ứng mục tiêu phát triển xanh và bền vững, đưa kinh tế Việt Nam tham gia sâu hơn vào mạng lưới cung ứng toàn cầu. Kết quả đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế cho thấy các nhà đầu tư đang đặt niềm tin rất lớn vào môi trường đầu tư, vị thế kinh tế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

❖ **Tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn**

Về kết quả kinh doanh năm 2025, lợi nhuận sau thuế của Nam A Bank đạt 4.182 tỷ đồng, tăng 15,94% so với năm 2024. Động lực chính cho sự tăng trưởng này đến từ việc đẩy mạnh hoạt động cho vay, giúp thu nhập lãi thuần đạt 8.617 tỷ đồng, tăng 8,55% so với năm 2024. Thu nhập từ hoạt động khác đạt 2.063 tỷ đồng, tăng 384,47% so với năm 2024. Bên cạnh đó, việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển các sản phẩm ngân hàng số và nâng cao tiện ích cho khách hàng đã góp phần duy trì nguồn thu ổn định từ các hoạt động phi tín dụng của ngân hàng.

8.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Nam A Bank kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm 2025, hoạt động kinh doanh của Nam A Bank có thể chịu tác động từ những biến động đáng kể của môi trường kinh tế trong nước và quốc tế. Trên bình diện toàn cầu, kinh tế thế giới tiếp tục vận động trong bối cảnh nhiều yếu tố bất định đan xen, khi tăng trưởng chưa thực sự bền vững dù áp lực lạm phát tại một số nền kinh tế lớn đã được kiểm soát tốt hơn. Việc điều chỉnh chính sách tiền tệ và tài khóa theo hướng thận trọng, xu hướng duy trì mặt bằng lãi suất ở mức cao trong thời gian dài tại một số quốc gia, cùng với căng thẳng địa chính trị, cạnh tranh chiến lược và các biện pháp bảo hộ thương mại giữa các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục tiềm ẩn rủi ro đối với thương mại và dòng vốn đầu tư toàn cầu. Bên cạnh đó, sự gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động giá năng lượng và hàng hóa, cũng như các thách thức dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu, thiên tai, chuyển dịch năng lượng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh mạng có thể ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính ngân hàng. Trong nước, Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách theo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô gắn với thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ sản xuất, tiêu dùng và đẩy mạnh đầu tư công. Tuy nhiên, trong bối cảnh sức cầu phục hồi còn chưa đồng đều, thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp vẫn còn ảm đạm, một bộ phận doanh nghiệp và khách hàng cá nhân vẫn gặp khó khăn về dòng tiền và khả năng trả nợ, qua đó có thể tạo áp lực lên chất lượng tài sản và rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng. Đối với Nam A Bank, mặc dù Ngân hàng định hướng duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và tăng trưởng trong năm 2026 và các năm tiếp theo, những biến động của môi trường vĩ mô nêu trên có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận và hiệu quả hoạt động. Trong trường hợp chất lượng tín dụng suy giảm, Ngân hàng có thể phải tăng cường trích lập dự phòng rủi ro, từ đó tác động đến kết quả kinh doanh. Đồng thời, việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và chuẩn mực quản lý trong lĩnh vực ngân hàng, bao gồm các yêu cầu về an toàn vốn, quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu theo hướng tiệm cận thông lệ quốc tế, có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và yêu

cầu về nguồn lực tài chính.

Trước những biến động nêu trên, để đảm bảo phát triển an toàn và bền vững, Nam A Bank cần tiếp tục củng cố năng lực tài chính, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, triển khai hiệu quả các chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II và từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế cao hơn, qua đó nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của môi trường kinh tế.

9. Cập nhật thông tin khoản 2.1 Các chỉ tiêu cơ bản tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

9.1. Tình hình công nợ

Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng công nợ các khoản phải thu của Nam A Bank đạt 8.796 tỷ đồng, tăng 124,36%; tổng công nợ các khoản phải trả đạt 6.189 tỷ đồng, tăng 33,30% so với thời điểm cuối năm 2024.

Bảng 60: Tình hình công nợ của Nam A Bank (Riêng lẻ)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|------------------|------------------|------------------|
| Tổng công nợ các khoản phải thu | 3.242.029 | 3.920.073 | 8.649.262 |
| + Các khoản phải thu | 1.165.744 | 918.957 | 1.662.452 |
| + Các khoản lãi, phí phải thu | 2.076.285 | 3.001.116 | 6.986.810 |
| Tổng công nợ các khoản phải trả | 5.674.998 | 4.638.765 | 6.184.768 |
| + Các khoản lãi, phí phải trả | 4.283.213 | 3.396.127 | 4.675.602 |
| + Các khoản phải trả và công nợ khác | 1.391.785 | 1.242.638 | 1.509.166 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 61: Tình hình công nợ của Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|------------------|------------------|------------------|
| Tổng công nợ các khoản phải thu | 3.542.996 | 3.920.613 | 8.796.151 |
| + Các khoản phải thu | 1.466.711 | 919.497 | 1.809.341 |
| + Các khoản lãi, phí phải thu | 2.076.285 | 3.001.116 | 6.986.810 |
| Tổng công nợ các khoản phải trả | 5.678.150 | 4.642.639 | 6.188.730 |
| + Các khoản lãi, phí phải trả | 4.282.773 | 3.395.608 | 4.675.054 |

| Chi tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--------------------------------------|------------|------------|------------|
| + Các khoản phải trả và công nợ khác | 1.359.377 | 1.247.031 | 1.513.676 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

9.2. Trái Phiếu chưa đáo hạn

Bảng 62: Thông tin về Trái Phiếu chưa đáo hạn của Nam A Bank tại thời điểm 28/02/2026

| TT | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng) | Lãi suất | Kỳ hạn (năm) |
|------------------|----------------------|----------------|--|--------------------|--------------|
| 1 | NAB.BOND.01.2019.200 | 24/09/2019 | 200 | Cố định (7,8%/năm) | 10 |
| 2 | NABL2330004 | 01/12/2023 | 400 | Cố định (7,5%/năm) | 07 |
| 3 | NABL2330005 | 15/12/2023 | 400 | Cố định (7,5%/năm) | 07 |
| 4 | NAB12501 | 25/06/2025 | 500 | Cố định (5,6%/năm) | 03 |
| 5 | NAB12502 | 26/06/2025 | 260 | Cố định (7,0%/năm) | 07 |
| 6 | NAB12503 | 14/07/2025 | 200 | Cố định (7,0%/năm) | 07 |
| 7 | NAB12504 | 20/08/2025 | 200 | Lãi suất thả nổi | 07 |
| 8 | NAB12505 | 30/09/2025 | 1.600 | Lãi suất thả nổi | 07 |
| 9 | NAB125004 | 30/12/2025 | 1.000 | Lãi suất thả nổi | 07 |
| Tổng cộng | | | 4.760 | | |

Nguồn: Nam A Bank

9.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Nam A Bank luôn tuân thủ việc nộp các khoản thuế và các loại phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 63: Các khoản phải nộp của Nam A Bank (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|----------------------------|------------|------------|------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 68.788 | 3.987 | 22.111 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 267.700 | 254.797 | 542.401 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 25.204 | 25.042 | 26.897 |
| Các loại thuế khác | 3.089 | 3.459 | 2.712 |
| Tổng cộng | 364.781 | 287.285 | 594.121 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Bảng 64: Các khoản phải nộp của Nam A Bank (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|----------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 69.135 | 4.188 | 22.161 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 269.095 | 256.499 | 543.317 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 25.646 | 25.633 | 27.787 |
| Các loại thuế khác | 3.089 | 3.459 | 2.712 |
| Tổng cộng | 366.965 | 289.779 | 595.977 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

9.4. Trích lập các quỹ

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 dự kiến sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 như sau:
 - + Quỹ dự phòng tài chính: 376.401 triệu đồng.
 - + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 418.223 triệu đồng.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi: 60.000 triệu đồng.
 - + Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 7.528 triệu đồng.

Nam A Bank thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

10. Cập nhật thông tin khoản 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

Bảng 65: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Nam A Bank (Riêng lẻ)

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|-------------|-------------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về vốn | | | |
| Vốn chủ sở hữu | 15.213.282 | 19.260.023 | 23.402.257 |
| Vốn điều lệ | 10.580.416 | 13.725.506 | 17.156.865 |
| Tổng tài sản có | 210.046.355 | 245.592.950 | 418.681.282 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | 11,09% | 12,54% | 11,10% |
| 2. Chất lượng tài sản | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ | 5,93% | 3,80% | 3,47% |
| Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ | 2,11% | 2,33% | 2,16% |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | 68,19% | 68,42% | 47,45% |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | 97,30% | 96,80% | 97,27% |
| 3. Khả năng thanh khoản | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân | 17,18% | 18,30% | 18,67% |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | 19,93% | 22,33% | 23,87% |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi | 75,05% | 76,98% | 53,29% |
| 4. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 23,45% | 26,00% | 24,14% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,63% | 1,95% | 1,53% |

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|------------|------------|------------|
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | 3,39% | 3,05% | 2,57% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,29% | 1,55% | 1,22% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân | 18,61% | 20,64% | 19,23% |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | 14,98% | 10,56% | 6,36% |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | 18,00% | 12,45% | 11,50% |

Nguồn: Nam A Bank

Bảng 66: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Nam A Bank (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|-------------|-------------|-------------|
| 1. Chỉ tiêu về vốn | | | |
| Vốn chủ sở hữu | 15.241.792 | 19.288.533 | 23.430.767 |
| Vốn điều lệ | 10.580.416 | 13.725.506 | 17.156.865 |
| Tổng tài sản có | 209.896.239 | 245.128.983 | 418.333.322 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | 11,16% | 12,66% | 11,18% |
| 2. Chất lượng tài sản | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ | 5,93% | 3,80% | 3,47% |
| Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ | 2,11% | 2,33% | 2,16% |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | 68,24% | 68,42% | 47,49% |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | 97,37% | 97,00% | 97,35% |

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|--|---|------------|------------|
| 3. Khả năng thanh khoản | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân | Nam A Bank chi thực hiện quản lý chỉ tiêu về khả năng thanh khoản riêng lẻ theo quy định của NHNN | | |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | | | |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi | | | |
| 4. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 23,41% | 25,96% | 24,11% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,63% | 1,96% | 1,53% |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | 3,41% | 3,52% | 2,59% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,29% | 1,55% | 1,22% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân | 18,57% | 20,61% | 19,20% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phiếu) | 1.937 | 2.138 | 2.438 |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | 14,93% | 10,51% | 6,33% |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | 17,86% | 12,34% | 11,20% |

Nguồn: Nam A Bank

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

B. Các thông tin khác

1. Cập nhật thông tin mục 1. Rủi ro kinh tế tại Phần II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1. Kinh tế toàn cầu

Nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp và khó lường do sự xuất hiện của hàng loạt yếu tố tiềm ẩn rủi ro và bất định. Đặc biệt, những thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ cùng với phản ứng từ các quốc gia khác đã làm gia tăng bất ổn trong môi trường địa chính trị và thương mại quốc tế, gây áp lực lớn lên hoạt động đầu tư và chi tiêu hộ gia đình. Căng thẳng thuế quan giữa Hoa Kỳ và các nước, cùng với nguy cơ chiến tranh thương mại, đang tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Đồng thời, thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra những hậu quả nghiêm trọng, trong khi các nguy cơ liên quan đến an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh mạng ngày càng gia tăng.

Với một nền kinh tế có độ mở cao như Việt Nam, các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế toàn cầu và căng thẳng chính trị có thể gây tác động đáng kể. Khi nền kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực hoặc gặp những điều kiện không thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước sẽ đối mặt với nhiều khó khăn và người tiêu dùng có xu hướng lo ngại, cắt giảm chi tiêu. Điều này dẫn đến hoạt động kinh doanh của Nam A Bank, bao gồm huy động vốn và tín dụng gặp nhiều trở ngại, khả năng thu hồi nợ của ngân hàng suy giảm, tỷ lệ nợ xấu tăng cao và các dịch vụ, sản phẩm khác cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế này có thể làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của Nam A Bank và ngân hàng khó có thể nhận diện, đo lường, cũng như kiểm soát toàn diện chúng.

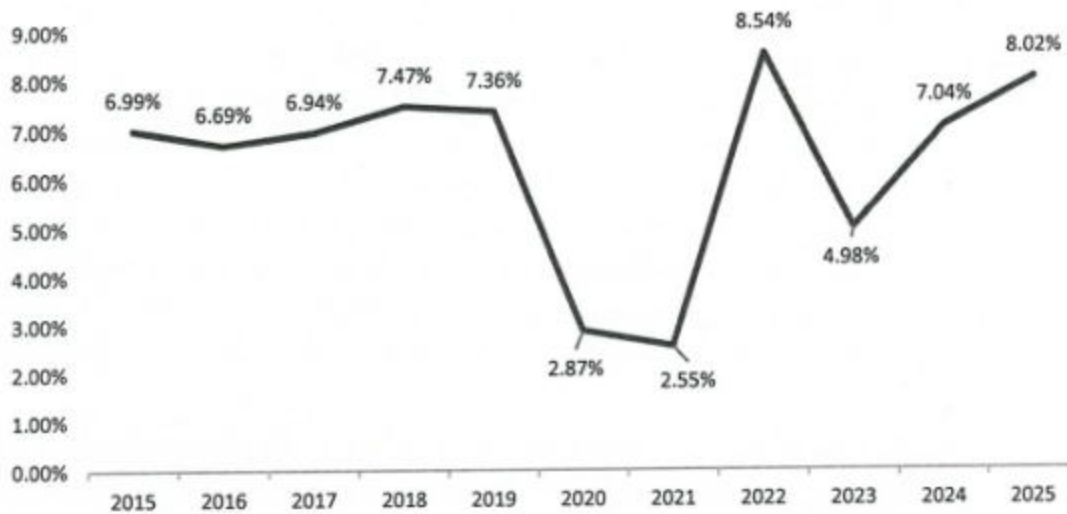
1.2. Kinh tế Việt Nam

Những thay đổi trong điều kiện kinh tế tại Việt Nam có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động kinh doanh, tài chính và triển vọng của các doanh nghiệp. Tăng trưởng kinh tế và môi trường kinh doanh là những yếu tố vĩ mô quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của các ngành nghề. Khi nền kinh tế ổn định và phát triển, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp cũng được mở rộng. Mặc dù kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro của một nền kinh tế mới nổi.

Để hỗ trợ sự phát triển, Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng, thể hiện sự linh hoạt trong việc điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện tại, đồng thời vẫn đảm bảo các mục tiêu như kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá. Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021 – 2025, đồng thời là năm triển khai mạnh mẽ việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Công tác lập pháp tiếp tục ghi nhận nhiều dấu ấn với việc Quốc hội thông qua nhiều Luật và Nghị quyết, trong đó một số Nghị quyết nhanh chóng được triển khai vào thực tiễn. Bên cạnh đó, năm 2025 cũng là một năm đầy thách thức cho nền kinh tế toàn cầu cũng như Việt Nam, với những căng thẳng địa chính trị và cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia lớn ngày càng gay gắt. Nhiều quốc gia, bao gồm các đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam, đang đối mặt với tăng trưởng chậm

lại và nợ công tăng cao, làm giảm tổng cầu toàn cầu và ảnh hưởng trực tiếp đến các nền kinh tế mở như Việt Nam.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bất chấp những biến động phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu và thách thức từ thiên tai, kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2015 – 2025 và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD tăng 18,20% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,00%; nhập khẩu tăng 19,40%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD.

Sau giai đoạn thắt chặt kéo dài nhằm kiểm soát lạm phát, trong năm 2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã bắt đầu cắt giảm lãi suất và từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ; Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng có xu hướng điều chỉnh chính sách theo hướng hỗ trợ tăng trưởng. Diễn biến này góp phần cải thiện điều kiện tài chính, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng và đầu tư, qua đó hỗ trợ triển vọng phục hồi kinh tế tại Mỹ và châu Âu. Tuy nhiên, quá trình nới lỏng chính sách tiền tệ diễn ra thận trọng và tiềm ẩn rủi ro nếu lạm phát quay trở lại, khiến triển vọng tăng trưởng kinh tế tại các thị trường này vẫn còn những yếu tố bất định, từ đó có thể tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu và hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2025, tỷ giá VND/USD vẫn duy trì ở mức cao, tạo áp lực nhất định lên thị trường ngoại hối và chi phí nhập khẩu. Trước bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp như điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ, từng bước giảm lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp, qua đó góp phần duy trì đà phục hồi và phát triển kinh tế.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu

Quốc hội đề ra. Bình quân năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm 2024, thấp hơn mức tăng 3,31% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của Nam A Bank. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, tuy nhiên không thể đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai khi mà nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Lạm phát tăng kéo theo chi phí của Nam Bank tăng, bao gồm chi phí tài chính, chi phí quản lý khác,... Nếu Nam A Bank không thể chuyển các chi phí này vào giá dịch vụ cho khách hàng, điều đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của Nam A Bank.

Nam A Bank không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Sự suy giảm của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Nam A Bank.

2. Cập nhật thông tin mục 3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngân hàng TMCP Nam Á không có công ty mẹ.

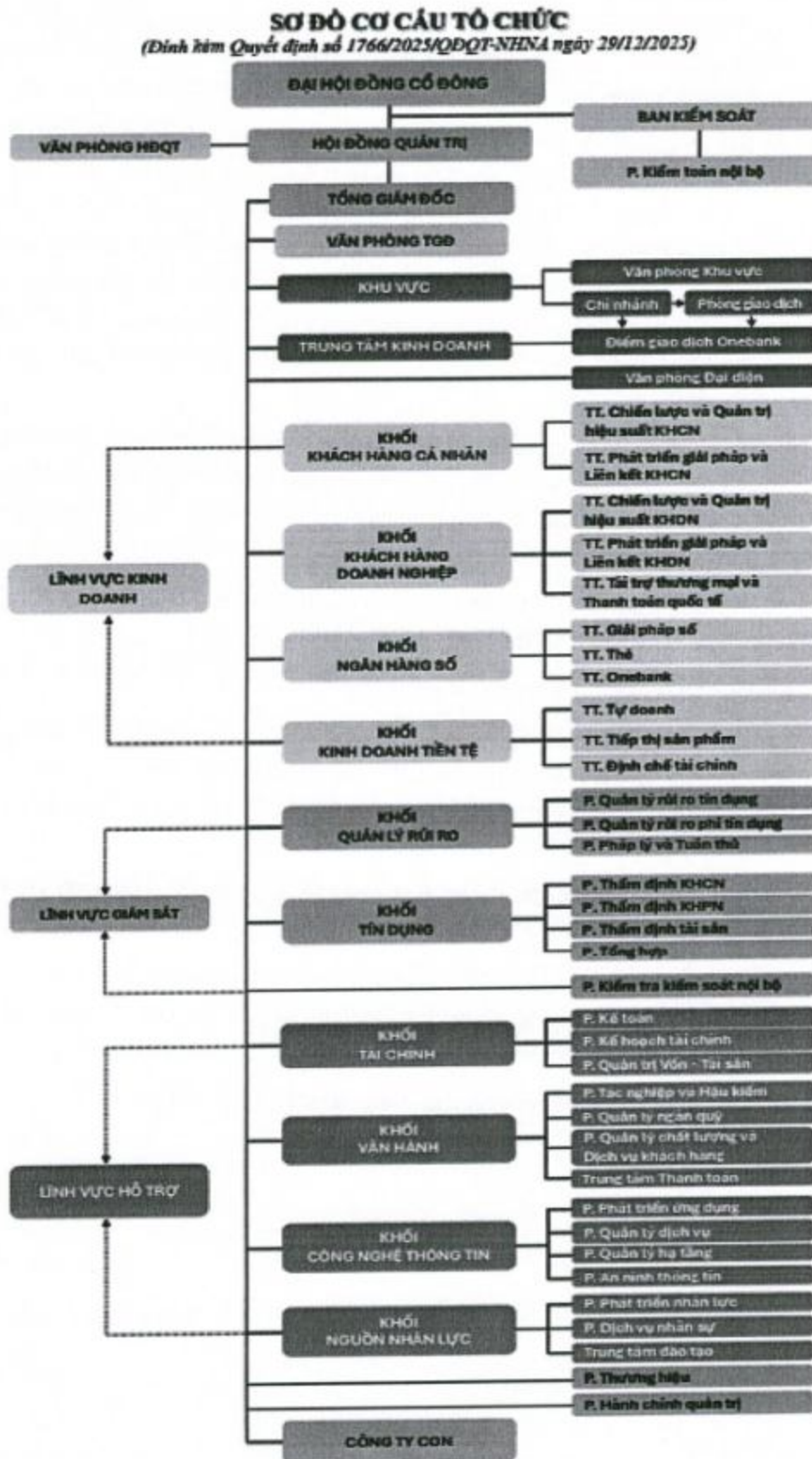
Tính đến thời điểm 28/02/2026, Nam A Bank có 01 Hội sở chính, 01 Văn phòng đại diện tại Miền Bắc, 01 Trung tâm kinh doanh, 295 chi nhánh, PGD, điểm giao dịch số tự động Onebank trên toàn quốc và 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.

3. Cập nhật thông tin mục 4. Cơ cấu bộ máy quản lý tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Cơ cấu quản lý của Ngân hàng TMCP Nam Á thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và các quy định có liên quan về cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hình 3: Cơ cấu bộ máy quản lý Nam A Bank



Nguồn: Nam A Bank

❖ Kế toán trưởng

Giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Nam A Bank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank. Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Lĩnh vực kinh doanh

Khối Khách hàng cá nhân

- Khối Khách hàng cá nhân có chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
 - Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển khách hàng cá nhân: Nghiên cứu thị trường (xu hướng ngành nghề, đối thủ cạnh tranh, cơ hội tăng trưởng,...) để tham mưu hoạch định chiến lược kinh doanh dành cho khách hàng cá nhân; Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh dành cho khách hàng cá nhân phù hợp với đặc trưng vùng miền của Kênh phân phối; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh dành cho khách hàng cá nhân và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh và thông tin phản hồi từ Kênh phân phối.
 - Xây dựng và triển khai chính sách sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân: Tham mưu xây dựng danh mục sản phẩm phù hợp với chiến lược kinh doanh khách hàng cá nhân và bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng và quản lý chính sách giá, phí cho các sản phẩm khách hàng cá nhân phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng, quản lý hệ thống văn bản liên quan đến danh mục sản phẩm và tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ Kênh phân phối triển khai thực hiện hệ thống văn bản này; Đầu mối tiếp nhận thông tin nhu cầu thị trường từ Kênh phân phối và cụ thể hóa các nhu cầu này thông qua các đề xuất cải tiến chính sách, sản phẩm phù hợp; Định kỳ đánh giá hiệu quả sản phẩm (doanh số, lợi nhuận, mức độ chấp nhận của thị trường,...) để đề xuất cải tiến hoặc ngừng sản phẩm.
 - Thúc đẩy kinh doanh các sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân: Tham mưu, đề xuất các chính sách kích thích bán hàng như chương trình thi đua nội bộ, chương trình bán hàng trọng điểm, chính sách hoa hồng, chính sách thưởng kinh doanh gắn liền với mục tiêu kinh doanh,... Tham mưu, đề xuất các chính sách thu hút khách hàng thông qua các hoạt động quảng bá sản phẩm dịch vụ, các chương trình ưu đãi, khuyến mại,... dành cho khách hàng cá nhân; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá hiệu quả của các chương trình thúc đẩy kinh doanh và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh và thông tin phản hồi từ Kênh phân phối.
 - Quản trị hệ sinh thái kinh doanh: Tìm kiếm và mở rộng đối tác kinh doanh tiềm năng (bảo hiểm, chứng khoán, trường học, thương mại điện tử,...) nhằm khai thác hệ khách hàng cá nhân của đối tác; Tham mưu triển khai các chương trình kinh doanh (ưu đãi, khuyến mại, đồng thương hiệu,...) nhằm gia tăng khách hàng, giao dịch, doanh thu qua kênh đối tác; Định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác (doanh thu, thị phần, rủi ro, trải nghiệm khách hàng,...) nhằm đề xuất mở rộng, hạn chế hoặc ngừng hợp

tác; Đầu mối tổ chức và tham gia các hội thảo, hội nghị liên quan đến khách hàng cá nhân nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, liên kết, mở rộng hệ sinh thái kinh doanh.

- Quản trị quan hệ khách hàng: Mở rộng cơ sở khách hàng cá nhân thông qua các hoạt động hợp tác với các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan, doanh nghiệp,... Quản trị dữ liệu khách hàng cá nhân và đề xuất chính sách phân loại, xếp hạng, ưu đãi, giải pháp,... phù hợp với mỗi phân khúc khách hàng cá nhân trong từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan định kỳ đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng; Bán chéo sản phẩm dịch vụ (tín dụng, tiền gửi, thanh toán, bảo hiểm, ngoại hối,...) tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và tăng cường sự gắn kết với khách hàng.
 - Quản trị hiệu suất kinh doanh của đội ngũ bán hàng: Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu, đề xuất việc giao kế hoạch kinh doanh khách hàng cá nhân (năm/quý/tháng) cho Kênh phân phối; Nghiên cứu thị trường để tham mưu thiết kế, xây dựng, triển khai hệ thống chỉ tiêu bán hàng (KPIs) khách hàng cá nhân cho từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện hệ thống chỉ tiêu bán hàng (KPIs) khách hàng cá nhân của các vị trí bán hàng tại Kênh phân phối và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp trong từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá năng lực bán hàng của từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối và tham gia đào tạo, huấn luyện, phát triển năng lực bán hàng cho đội ngũ bán hàng khách hàng cá nhân.
 - Giải pháp quản trị rủi ro theo sản phẩm dịch vụ: Tham mưu xây dựng và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, hoạt động bán hàng theo từng thời kỳ; Tham mưu cải tiến các tính năng sản phẩm dịch vụ, quy trình vận hành, chốt chặn kiểm soát,... nhằm phòng ngừa các rủi ro phát sinh; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy và các công cụ quản lý liên quan đến nghiệp vụ của Khối; Tham mưu xây dựng hệ thống văn bản lập quy và tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai hệ thống các văn bản lập quy này; Tham mưu xây dựng, triển khai các công cụ hỗ trợ quản lý và bán hàng như tài liệu bán hàng, báo cáo kết quả bán hàng, báo cáo chương trình thúc đẩy kinh doanh,... Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức đào tạo các sản phẩm khách hàng cá nhân, các công cụ hỗ trợ kinh doanh,... cho đội ngũ bán hàng.
 - Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc Người được phân công, ủy quyền theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Khách hàng cá nhân:
- Trung tâm Chiến lược và Quản trị hiệu suất Khách hàng cá nhân.
 - Trung tâm Phát triển giải pháp và Liên kết Khách hàng cá nhân.

Khối Khách hàng doanh nghiệp

- Khối Khách hàng doanh nghiệp có chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển khách hàng doanh nghiệp: Nghiên cứu thị trường (xu hướng ngành nghề, đối thủ cạnh tranh, cơ hội tăng trưởng,...) để tham mưu hoạch định chiến lược kinh doanh dành cho khách hàng doanh nghiệp; Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh dành cho khách hàng doanh nghiệp phù hợp với đặc trưng vùng miền của Kênh phân phối; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh dành cho khách hàng doanh nghiệp và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh và thông tin phản hồi từ Kênh phân phối.
- Xây dựng và triển khai chính sách sản phẩm dành cho khách hàng doanh nghiệp: Tham mưu xây dựng danh mục sản phẩm phù hợp với chiến lược kinh doanh khách hàng doanh nghiệp và bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng và quản lý chính sách giá, phí cho các sản phẩm khách hàng doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng, quản lý hệ thống văn bản liên quan đến danh mục sản phẩm và tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ Kênh phân phối triển khai thực hiện hệ thống văn bản này; Đầu mối tiếp nhận thông tin nhu cầu thị trường từ Kênh phân phối và cụ thể hóa các nhu cầu này thông qua các đề xuất cải tiến chính sách, sản phẩm phù hợp; Định kỳ đánh giá hiệu quả sản phẩm (doanh số, lợi nhuận, mức độ chấp nhận của thị trường,...) để đề xuất cải tiến hoặc ngừng sản phẩm.
- Thúc đẩy kinh doanh các sản phẩm dịch vụ khách hàng doanh nghiệp: Tham mưu, đề xuất các chính sách kích thích bán hàng như chương trình thi đua nội bộ, chương trình bán hàng trọng điểm, chính sách hoa hồng, chính sách thưởng kinh doanh gắn liền với mục tiêu kinh doanh,... Tham mưu, đề xuất các chính sách thu hút khách hàng thông qua các hoạt động quảng bá sản phẩm dịch vụ, các chương trình ưu đãi, khuyến mại,... dành cho khách hàng doanh nghiệp; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá hiệu quả của các chương trình thúc đẩy kinh doanh và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh và thông tin phản hồi từ Kênh phân phối.
- Quản trị hệ sinh thái kinh doanh: Nghiên cứu thị trường nhằm xác định lĩnh vực, đối tác kinh doanh tiềm năng và đề xuất mô hình hợp tác (liên kết sản phẩm, kênh bán hàng, đồng thương hiệu,...); Tham mưu xây dựng gói sản phẩm liên kết, chính sách đồng thương hiệu, khai thác hệ khách hàng lẫn nhau (quản lý phiếu bán hàng, theo dõi tỷ lệ chuyển đổi,...); Triển khai các hoạt động quảng bá, truyền thông liên quan đến các chính sách kinh doanh của hệ sinh thái; Định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác (doanh thu, thị phần, trải nghiệm khách hàng,...) nhằm đề xuất mở rộng, hạn chế hoặc ngừng hợp tác; Đầu mối tổ chức và tham gia các hội thảo, hội nghị liên quan đến khách hàng doanh nghiệp nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, liên kết, mở rộng hệ sinh thái kinh doanh; Quản trị danh mục sản phẩm có sử dụng nguồn vốn tài trợ của Chính phủ, tổ chức trong nước, quốc tế và thúc đẩy, hướng dẫn Kênh phân phối triển khai thực hiện.
- Quản trị quan hệ khách hàng: Mở rộng cơ sở khách hàng doanh nghiệp thông qua các hoạt động hợp tác với các hiệp hội ngành nghề, hội doanh nhân,... Quản trị dữ

liệu khách hàng doanh nghiệp và đề xuất chính sách phân loại, xếp hạng, ưu đãi, giải pháp,... phù hợp với mỗi phân khúc khách hàng trong từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan định kỳ đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng; Bán chéo sản phẩm dịch vụ (tín dụng, tiền gửi, thanh toán, bảo hiểm, ngoại hối,...) và quản lý dòng tiền nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và tăng cường sự gắn kết với khách hàng.

- Phát triển tài chính xanh và ESG cho doanh nghiệp: Tham mưu xây dựng và triển khai các gói tín dụng xanh kèm theo chính sách ưu đãi cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, hạ tầng bền vững, sản xuất thân thiện môi trường,... Tích hợp các tiêu chí ESG vào danh mục sản phẩm của Nam A Bank nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn quản trị hiện đại.
- Giải pháp quản trị thanh khoản và CASA doanh nghiệp: Tham mưu xây dựng và triển khai các giải pháp quản lý thanh khoản, quản lý dòng tiền tập trung của doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa vốn lưu động và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; Phát triển các sản phẩm CASA doanh nghiệp kết hợp gói thanh toán ưu đãi và cơ chế phí dịch vụ cạnh tranh để thu hút và duy trì dòng tiền ổn định trong ngân hàng; Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chính sách quản lý thanh khoản phù hợp, cân đối giữa nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn và các mục tiêu đầu tư dài hạn.
- Quản trị hiệu suất kinh doanh của đội ngũ bán hàng: Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu, đề xuất việc giao kế hoạch kinh doanh khách hàng doanh nghiệp (năm/quý/tháng) cho Kênh phân phối; Nghiên cứu thị trường để tham mưu thiết kế, xây dựng, triển khai hệ thống chỉ tiêu bán hàng (KPIs) khách hàng doanh nghiệp cho từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện hệ thống chỉ tiêu bán hàng (KPIs) khách hàng doanh nghiệp của các vị trí bán hàng tại Kênh phân phối và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp trong từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá năng lực bán hàng của từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối và tham gia đào tạo, huấn luyện, phát triển năng lực bán hàng cho đội ngũ bán hàng khách hàng doanh nghiệp.
- Vận hành và kiểm soát tập trung giao dịch Tài trợ thương mại và Thanh toán quốc tế (TTTM & TTQT): Xây dựng và triển khai danh mục sản phẩm, biểu phí dịch vụ liên quan đến TTTM & TTQT; vận hành và kiểm soát tập trung giao dịch TTTM & TTQT; Tư vấn và hỗ trợ các vấn đề liên quan đến TTTM & TTQT; Kiểm tra và xử lý chứng từ theo quy định hiện hành của Nam A Bank, pháp luật Việt Nam và chuẩn mực, thông lệ quốc tế; Khai thác mối quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các ngân hàng đại lý liên quan đến TTTM & TTQT; Quản trị hiệu suất hoạt động TTTM & TTQT.
- Giải pháp quản trị rủi ro theo sản phẩm dịch vụ: Tham mưu xây dựng và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro sản phẩm dịch vụ khách hàng doanh nghiệp, hoạt động bán hàng theo từng thời kỳ; Tham mưu cải tiến các tính năng sản phẩm dịch vụ, quy trình vận hành, chốt chặn kiểm soát,... nhằm phòng ngừa các rủi ro phát sinh.

- Xây dựng hệ thống văn bản lập quy và các công cụ quản lý liên quan đến nghiệp vụ của Khối: Tham mưu xây dựng hệ thống văn bản lập quy và tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai hệ thống các văn bản lập quy này; Tham mưu xây dựng, triển khai các công cụ hỗ trợ quản lý và bán hàng như tài liệu bán hàng, báo cáo kết quả bán hàng, báo cáo chương trình thúc đẩy kinh doanh,... Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức đào tạo các sản phẩm khách hàng doanh nghiệp, các công cụ hỗ trợ kinh doanh,... cho đội ngũ bán hàng.
 - Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc Người được phân công, ủy quyền theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp:
- Trung tâm Chiến lược và Quản trị hiệu suất Khách hàng doanh nghiệp.
 - Trung tâm Phát triển giải pháp và Liên kết Khách hàng doanh nghiệp.
 - Trung tâm Tài trợ thương mại và Thanh toán quốc tế.

Khối Kinh doanh tiền tệ

- Khối Kinh doanh tiền tệ có chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
- Tham mưu xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình hành động và triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành theo từng năm, gắn với các định hướng, thực thi các chiến lược của Hội đồng quản trị.
 - Tham mưu xây dựng định hướng, chiến lược kinh doanh ngoại hối, thị trường phái sinh, kinh doanh vốn, thiết lập quan hệ/hạn mức giao dịch với các định chế tài chính (ĐCTC) trong và ngoài nước, ngân hàng đại lý, hoạt động ngân hàng đại lý, huy động nguồn vốn không kỳ hạn, có kỳ hạn từ các ĐCTC phi ngân hàng, các tổ chức phi chính phủ: Phân tích, đánh giá tình hình vĩ mô, vĩ mô, các diễn biến thị trường (lãi suất, tỷ giá, ngoại hối, trái phiếu, ...), phối hợp với các đơn vị có liên quan nhận định, đề xuất quan điểm độc lập về kinh doanh cho Ban lãnh đạo; Thiết lập quan hệ/hạn mức giao dịch với các ĐCTC trong và ngoài nước, ngân hàng đại lý, hoạt động ngân hàng đại lý; Thiết lập hạn mức giao dịch tiền gửi/tiền vay (có tài sản bảo đảm, không tài sản bảo đảm); hạn mức giao dịch ngoại tệ, vàng, phái sinh (hàng hóa, ngoại hối, lãi suất,... theo sự cấp phép của Ngân hàng Nhà nước từng thời kỳ); Xây dựng mới, điều chỉnh cơ cấu danh mục và đầu tư chứng khoán; Huy động nguồn vốn không kỳ hạn, có kỳ hạn từ các định chế tài chính, các tổ chức phi Chính phủ và bán chéo các sản phẩm, dịch vụ khác của Nam A Bank; Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và có các biện pháp phòng ngừa rủi ro cho hoạt động kinh doanh cho tất cả danh mục sản phẩm do Khối phụ trách (bao gồm sản phẩm ngoại hối, sản phẩm phái sinh, sản phẩm kinh doanh vốn liên ngân hàng, nghiệp vụ kinh doanh giấy tờ có giá (GTCG), ...).
 - Tham mưu xây dựng hệ thống văn bản lập quy, các công cụ, chính sách (sản phẩm, chính sách giá, chương trình khuyến mại, ...) và văn bản hướng dẫn, hỗ trợ đối với

các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối: Nghiên cứu, khảo sát, xác định nhu cầu của khách hàng, của thị trường và định vị hướng phát triển (có tính dự phóng); Phối hợp với các đơn vị có liên quan thiết kế, xây dựng, cải tiến sản phẩm liên quan đến nghiệp vụ phân khúc khách hàng của Khối; Xây dựng hệ thống văn bản quy trình, quy định, ... đối với các nghiệp vụ của Khối; Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ xây dựng, điều chỉnh, giám sát triển khai bộ tiêu chí đánh giá KPIs; Phối hợp cùng đơn vị nghiệp vụ triển khai đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị kinh doanh, đơn vị nghiệp vụ khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối; Xin phép Ngân hàng Nhà nước các vấn đề liên quan đến việc thành lập, triển khai các hoạt động đại lý đối ngoại tệ, cung ứng dịch vụ nhận – chi trả ngoại tệ, công ty con của Nam A Bank về kiều hối, và các sản phẩm/hoạt động ngoại hối dành cho phân khúc khách hàng chưa được cấp phép.

- Triển khai bán hàng trực tiếp, gián tiếp thông qua Kênh phân phối đối với các sản phẩm thuộc phạm vi kinh doanh của Khối (kinh doanh ngoại hối, thị trường phái sinh, kinh doanh vốn): Cung ứng sản phẩm, dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư đối với các sản phẩm và phân khúc khách hàng thuộc Khối phụ trách; Quản lý, phân tích, đánh giá, điều phối tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch; Hỗ trợ bán và thúc đẩy Kênh phân phối triển khai, phân phối các sản phẩm, chương trình của Khối xây dựng.
 - Thực hiện kiểm soát rủi ro (với vai trò tuyến bảo vệ thứ nhất) trong phạm vi các hoạt động kinh doanh của Khối và báo cáo đến Ban lãnh đạo: Theo dõi, kiểm soát hạn mức giao dịch được Ban lãnh đạo phê duyệt. Phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi các loại rủi ro phi thị trường (bao gồm rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro tác nghiệp và các rủi ro khác); Tham gia xây dựng các chương trình hỗ trợ công tác giám sát và báo cáo trong các dự án nâng cấp hệ thống (Core – Banking, phân hệ Treasury,...); Phối hợp với các tuyến bảo vệ khác tại Nam A Bank để báo cáo, theo dõi, thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng nghiệp vụ.
 - Phối hợp với các đơn vị có liên quan quản lý điều hành thanh khoản, đảm bảo tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng nhà nước (NHNN), cũng như đảm bảo các chỉ số an toàn của Nam A Bank.
 - Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc Người được phân công, ủy quyền theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Kinh doanh tiền tệ:
- Trung tâm Tự doanh.
 - Trung tâm Tiếp thị sản phẩm.
 - Trung tâm Định chế tài chính.

Khối Ngân hàng số

– Khối Ngân hàng số có chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Tham mưu xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình hành động và triển khai hoạt động kinh doanh trên kênh số, quản trị điều hành theo từng năm, từng giai đoạn gắn với các định hướng, thực thi các chiến lược số của Hội đồng quản trị.
- Tham mưu nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai các nền tảng phục vụ kinh doanh số, các mô hình kinh doanh mới trên kênh số, các mô hình ngân hàng số hiện đại, chiến lược digital marketing trên kênh số, quản trị chuyển đổi số phù hợp với định hướng phát triển, gắn liền với hiệu quả kinh doanh và dẫn đầu xu hướng.
- Tham mưu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển khách hàng trên kênh số: Nghiên cứu thị trường (xu hướng ngành nghề, đối thủ cạnh tranh, cơ hội tăng trưởng,...) để tham mưu hoạch định chiến lược kinh doanh trên kênh số; Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh trên kênh số phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh trên kênh số và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh, thông tin phản hồi từ kênh số và Kênh phân phối.
- Xây dựng và triển khai các chính sách, sản phẩm trên kênh số: Tham mưu xây dựng danh mục sản phẩm phù hợp với chiến lược kinh doanh trên kênh số và bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng và quản lý chính sách giá, phí cho các sản phẩm trên kênh số phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Định kỳ đánh giá hiệu quả sản phẩm (doanh số, lợi nhuận, mức độ chấp nhận của thị trường,...) để đề xuất cải tiến hoặc ngừng sản phẩm; Chuẩn hóa tài liệu bán hàng, phát triển công cụ hỗ trợ và triển khai đào tạo, huấn luyện đội ngũ kinh doanh.
- Thúc đẩy kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trên kênh số: Tham mưu, đề xuất các chính sách kích thích bán hàng như chương trình thi đua nội bộ, chương trình bán hàng trọng điểm, chính sách hoa hồng, chính sách thưởng kinh doanh gắn liền với mục tiêu kinh doanh,... Tham mưu, đề xuất các chính sách thu hút khách hàng thông qua các hoạt động quảng bá sản phẩm, dịch vụ, các chương trình ưu đãi, khuyến mại,... dành cho khách hàng qua kênh số; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá hiệu quả của các chương trình thúc đẩy kinh doanh và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh, thông tin phản hồi từ khách hàng qua kênh số và Kênh phân phối; Phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện công tác truyền thông và đào tạo cho đội ngũ bán hàng các chính sách, chương trình, sản phẩm, dịch vụ trên kênh số.
- Tham mưu xây dựng, triển khai các giải pháp thanh toán số và chấp nhận thanh toán toàn diện: Nghiên cứu thị trường, định hướng khách hàng mục tiêu; Nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm tham mưu xây dựng các giải pháp thanh toán số và chấp nhận thanh toán toàn diện (QRCode, softPOS, POS, phần mềm/ứng dụng, thanh toán trực tuyến, thanh toán xuyên biên giới,...) phù hợp với chiến lược kinh doanh số từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai kinh doanh



các giải pháp thanh toán số và chấp nhận thanh toán toàn diện trực tiếp trên các kênh số và gián tiếp qua Kênh phân phối; Phối hợp với các đơn vị có liên quan lựa chọn các thiết bị hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt phù hợp với từng sản phẩm và giải pháp thực hiện theo từng thời kỳ (thiết bị QRCode, miniPOS, SmartPOS, Kios,...).

- Quản trị hệ sinh thái kinh doanh số: Nghiên cứu, xây dựng và phát triển mô hình hợp tác, kết nối kinh doanh hiện đại với các đối tác số/hệ sinh thái số nhằm tạo nên hệ sinh thái tài chính đa dịch vụ, đa tiện ích cho Nam A Bank; Tổ chức triển khai liên kết đối tác số, hệ sinh thái số (trung gian thanh toán, Fintech, đối tác cung ứng nền tảng số,...) để đồng phát triển các giải pháp công nghệ số, các sản phẩm số mới; Tham mưu xây dựng gói sản phẩm liên kết, chính sách đồng thương hiệu, khai thác hệ khách hàng lẫn nhau với các đối tác kinh doanh số; Liên kết đồng triển khai các hoạt động quảng bá, truyền thông liên quan đến các chính sách kinh doanh số của Nam A Bank và hệ sinh thái số; Định kỳ đánh giá hiệu quả hợp tác (doanh thu, thị phần, trải nghiệm khách hàng,...) nhằm đề xuất mở rộng, hạn chế hoặc ngừng hợp tác.
- Quản trị quan hệ khách hàng trên kênh số: Quản trị dữ liệu khách hàng trên kênh số và đề xuất chính sách phân loại, xếp hạng, ưu đãi, giải pháp,... phù hợp với mỗi phân khúc khách hàng trong từng thời kỳ; Tổ chức triển khai việc thu hút khách hàng mới trên kênh số nhằm gia tăng số lượng khách hàng với từng chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể với từng đối tác; Nghiên cứu thị trường, phân tích hành vi khách hàng, xây dựng tiêu chí, đo lường mức độ hài lòng của khách hàng nhằm chuẩn hóa hành trình và nâng cao trải nghiệm sản phẩm dịch vụ của khách hàng trên kênh số (đăng ký và kích hoạt, sử dụng, hỗ trợ từ xa,...); Nghiên cứu việc chuẩn hóa thiết kế và hành trình trải nghiệm đa kênh giữa kênh số nội bộ và kênh số của đối tác liên kết.
- Giải pháp quản trị rủi ro theo sản phẩm dịch vụ trên kênh số: Tham mưu xây dựng và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro sản phẩm dịch vụ, hoạt động bán hàng trên kênh số theo từng thời kỳ; Tham mưu cải tiến các tính năng sản phẩm dịch vụ, quy trình vận hành, chốt chặn kiểm soát,... nhằm phòng ngừa các rủi ro phát sinh.
- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển kinh doanh thẻ: Nghiên cứu thị trường (xu hướng ngành nghề, đối thủ cạnh tranh, cơ hội tăng trưởng, vòng đời sản phẩm,...) để tham mưu hoạch định chiến lược kinh doanh thẻ phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh thẻ phù hợp với từng đối tượng khách hàng, phân khúc mục tiêu, hành vi tiêu dùng,... Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh thẻ và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh, thông tin phản hồi từ khách hàng qua kênh số và Kênh phân phối; Nghiên cứu xây dựng và triển khai kinh doanh thẻ thông qua hệ sinh thái đối tác số (sàn thương mại điện tử, đối tác fintech,...) nhằm gia tăng khách hàng và chiếm lĩnh thị phần.

- Khai thác và vận hành hệ thống thẻ, tác nghiệp tín dụng thẻ và kiểm soát rủi ro: Tổ chức triển khai vận hành hệ thống thẻ (phát hành thẻ, thanh quyết toán, tra soát – đối soát, xử lý khiếu nại, xử lý yêu cầu, cấu hình sản phẩm,...) nhằm đảm bảo vận hành hệ thống thẻ thông suốt và nâng cao hiệu quả cho Nam A Bank; Phối hợp với các tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các đơn vị có liên quan (Napas, Mastercard, Visa, JCB,...) rà soát hệ thống, nâng cấp hệ thống, kiểm thử giao dịch,... định kỳ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật thông tin thẻ; Tổ chức triển khai việc thẩm định, tái thẩm định, phê duyệt cấp hạn mức, gia hạn thẻ tín dụng,... phù hợp với quy định phân cấp, thẩm quyền phán quyết cấp tín dụng của Nam A Bank trong từng thời kỳ; Tổ chức triển khai việc quản lý nợ thẻ tín dụng (phân loại nợ, trích lập dự phòng, xử lý rủi ro,...) và phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ thẻ; Nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai hệ thống cảnh báo rủi ro thẻ (giao dịch gian lận, hành vi thanh toán, rủi ro hệ thống, rủi ro con người, chuẩn chi giao dịch,...) nhằm đưa ra các cảnh báo sớm để phòng chống gian lận thẻ.
- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển Onebank: Nghiên cứu thị trường (xu hướng ngành nghề, đối thủ cạnh tranh, cơ hội tăng trưởng,...) để tham mưu hoạch định chiến lược phát triển Onebank (mô hình hoạt động, mô hình kinh doanh, giải pháp công nghệ, phát triển mạng lưới,...); Nghiên cứu, đề xuất triển khai mô hình hoạt động Onebank thể hệ mới gắn liền dịch vụ tài chính độc quyền với các trải nghiệm đẳng cấp cho khách hàng; Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh qua kênh Onebank phù hợp với bối cảnh kinh doanh trong từng thời kỳ; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, đề án, chương trình kinh doanh qua kênh Onebank và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp với bối cảnh kinh doanh, thông tin phản hồi từ khách hàng qua kênh số và Kênh phân phối.
- Quản trị hiệu suất kinh doanh trên kênh số, thẻ và Onebank: Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu, đề xuất việc giao kế hoạch kinh doanh qua kênh số, thẻ, Onebank (năm/quý/tháng) cho Kênh phân phối; Nghiên cứu thị trường để tham mưu thiết kế, xây dựng, triển khai hệ thống chỉ tiêu bán hàng (KPIs) qua kênh số, thẻ, Onebank cho từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối; Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện KPIs và đề xuất các điều chỉnh, cải tiến phù hợp trong từng thời kỳ; Phối hợp với các đơn vị có liên quan để đánh giá năng lực bán hàng của từng vị trí bán hàng tại Kênh phân phối và tham gia đào tạo, huấn luyện, phát triển năng lực bán hàng cho đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng hệ thống văn bản lập quy và các công cụ quản lý liên quan đến nghiệp vụ của Khối: Tham mưu xây dựng hệ thống văn bản lập quy và tổ chức đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai hệ thống các văn bản lập quy này; Tham mưu xây dựng, triển khai các công cụ hỗ trợ quản lý và bán hàng như tài liệu bán hàng, báo cáo kết quả bán hàng, báo cáo chương trình thúc đẩy kinh doanh,... Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức đào tạo các sản phẩm qua kênh số, thẻ, Onebank, các công cụ hỗ trợ kinh doanh,... cho đội ngũ bán hàng.

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc Người được phân công, ủy quyền theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- Các đơn vị thuộc Khối Ngân hàng số:
 - Trung tâm Giải pháp số.
 - Trung tâm Thẻ.
 - Trung tâm OneBank.

4. Cập nhật thông tin mục 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

4.1. Danh sách công ty con của Nam A Bank

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Ngày thành lập: 01/11/2006.
- Trụ sở chính: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, Phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0937972486.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304691951 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
- Vốn điều lệ đăng ký tính đến ngày 31/12/2025: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 31/12/2025: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Chi tiết: Xử lý tài sản nợ vay bằng hình thức bảo đảm thích hợp: Cải tạo sửa chữa nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ; Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng (bao gồm nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ, thu hồi vốn nhanh nhất; Chủ động bán các tài sản thuộc quyền định đoạt của Nam A Bank theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức: Tự bán công khai trên thị trường, bán qua trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, bán lại cho công ty mua bán nợ nhà nước (khi được thành lập); Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; Thực hiện các công việc theo ủy quyền của Nam A Bank;

Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: Giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi thành vốn góp; Xử lý tài sản nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn liên doanh bằng tài sản thu hồi nợ; Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, gồm: Mua nợ, bán nợ, môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ.

- Tỷ lệ nắm giữ của Nam A Bank tại công ty: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu của công ty tại Nam A Bank: 0%.

5. Cập nhật thông tin khoản 8.4. Thị trường hoạt động tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

5.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Tính tới ngày 28/02/2026, mạng lưới hoạt động của Nam A Bank bao gồm: 01 Hội sở chính, 01 văn phòng đại diện tại Miền Bắc, 01 Trung tâm kinh doanh, 01 công ty con và 295 chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch số tự động (Onebank) trên toàn quốc.

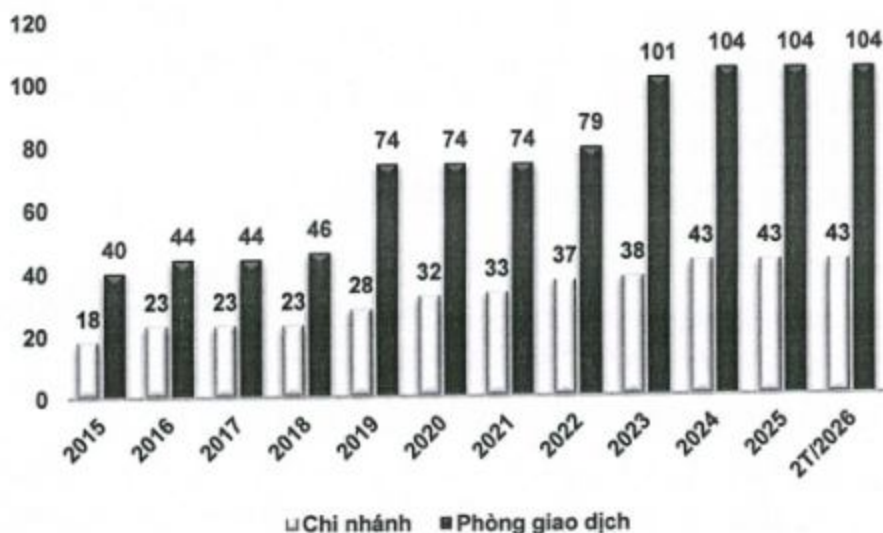
Bảng 44: Mạng lưới hoạt động của Nam A Bank

| TT | Vị trí địa lý | Chi nhánh/Phòng giao dịch/Onebank | TT | Vị trí địa lý | Chi nhánh/Phòng giao dịch/Onebank |
|----|-----------------------|-----------------------------------|----|-------------------|-----------------------------------|
| 1 | Thành phố Hồ Chí Minh | 81 | 12 | Tỉnh Lâm Đồng | 21 |
| 2 | Thành phố Hà Nội | 27 | 13 | Tỉnh Thanh Hoá | 4 |
| 3 | Tỉnh Bắc Ninh | 4 | 14 | Tỉnh Tây Ninh | 12 |
| 4 | Tỉnh Phú Thọ | 10 | 15 | Tỉnh Đồng Nai | 19 |
| 5 | Tỉnh Quảng Ninh | 7 | 16 | Tỉnh An Giang | 14 |
| 6 | Tỉnh Nghệ An | 8 | 17 | Tỉnh Vĩnh Long | 7 |
| 7 | Thành phố Huế | 6 | 18 | Thành phố Cần Thơ | 8 |
| 8 | Tỉnh Gia Lai | 8 | 19 | Tỉnh Đồng Tháp | 13 |
| 9 | Thành phố Đà Nẵng | 12 | 20 | Tỉnh Cà Mau | 7 |
| 10 | Tỉnh Khánh Hòa | 15 | 21 | Tỉnh Ninh Bình | 3 |
| 11 | Tỉnh Đắk Lắk | 9 | | | |

Nguồn: Nam A Bank

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Hình 4: Mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank



Nguồn: Nam A Bank

5.2. Thị phần và khả năng cạnh tranh

❖ Về thị phần

Trong những năm gần đây, Nam A Bank không ngừng nâng cao thị phần của Ngân hàng tại các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống là huy động và tín dụng, cũng như chú trọng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh cũng như mở rộng thị phần bán lẻ, theo đuổi mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong hệ thống các ngân hàng. Tại thời điểm 31/12/2025, tổng số dư huy động từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá của Nam A Bank đạt 211.119 tỷ đồng, số dư cho vay khách hàng của Nam A Bank đạt 197.608 tỷ đồng. Đặc thù ngành ngân hàng bị giới hạn về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng và nhiều chỉ tiêu hoạt động khác, nên kéo theo thị phần về dư nợ cho vay hoặc về huy động vốn của Nam A Bank cũng ở mức bình quân chung của ngành.

❖ Về khả năng cạnh tranh

Bảng 45: Thị phần và khả năng cạnh tranh tại thời điểm 31/12/2025

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Tổng tài sản | Cho vay khách hàng | Tiền gửi của khách hàng |
|--------------------------------|----------------|--------------------|-------------------------|
| Nam A Bank | 418.333.322 | 197.607.593 | 177.810.693 |
| Toàn hệ thống ngân hàng (*) | 21.249.812.469 | 14.218.929.177 | 12.879.257.674 |
| Thị phần của Nam A Bank | 1,97% | 1,39% | 1,38% |

Nguồn: () Tổng hợp BCTC hợp nhất quý 4 năm 2025 của 27 NHTM niêm yết và*

đăng ký giao dịch; BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Tính đến thời điểm 31/12/2025, thị phần của Nam A Bank về tổng tài sản, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng so với 27 NHTM niêm yết và đăng ký giao dịch lần lượt là 1,97%, 1,39% và 1,38%, Nam A Bank nằm trong nhóm các ngân hàng có quy mô khá.

6. Cập nhật thông tin khoản 8.5 Vị thế của Nam A Bank so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

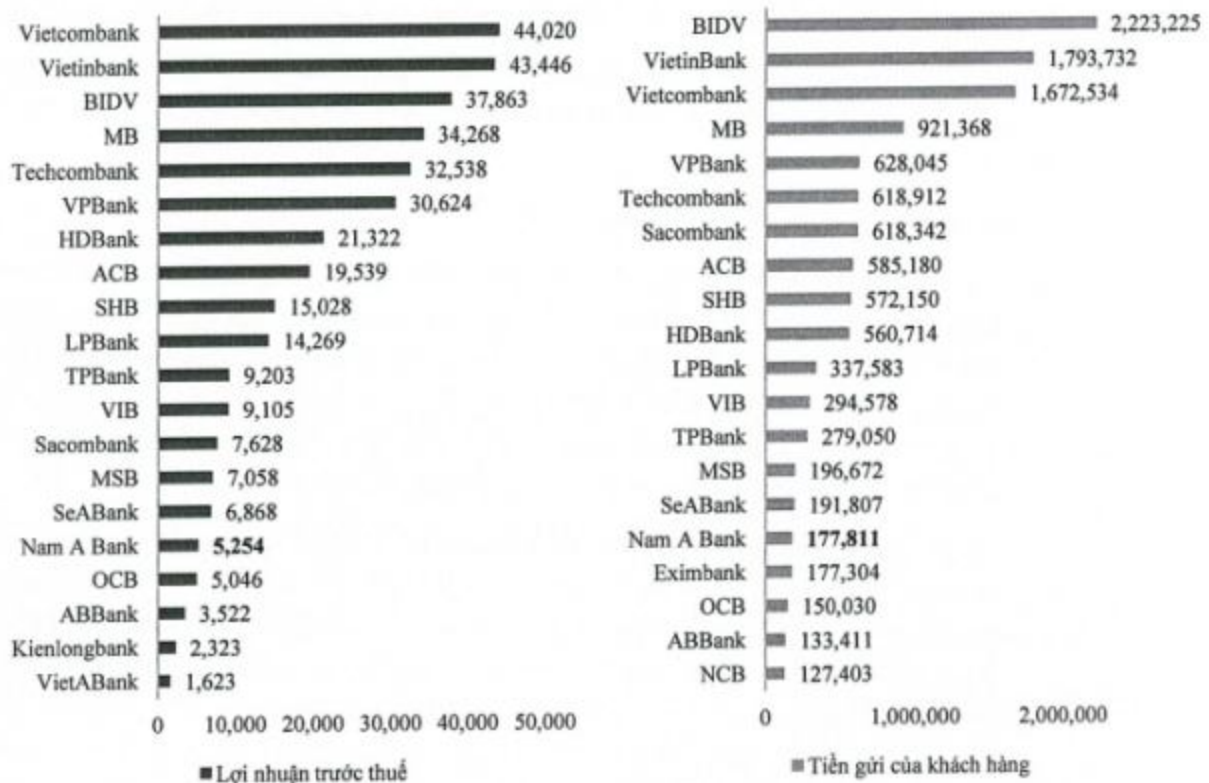
6.1. Vị thế của Nam A Bank trong ngành

- Về mạng lưới hoạt động: Tính đến thời điểm 28/02/2025, tổng số điểm giao dịch trên toàn hệ thống Nam A Bank bao gồm 01 Hội sở chính, 01 Văn phòng đại diện tại Miền Bắc, 01 Trung tâm Kinh doanh, 295 Chi nhánh/Phòng giao dịch/điểm giao dịch và 01 Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á. Mạng lưới hoạt động của Nam A Bank đã được trải rộng ra khắp cả nước thay vì tập trung khu vực TP. Hồ Chí Minh như trước đây.
- Về quy mô hoạt động kinh doanh: Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Nam A Bank đạt 418.333 tỷ đồng, tăng 70,66% so với thời điểm cuối năm 2024. Hoạt động huy động vốn tiếp tục ghi nhận sự ổn định và tăng trưởng bền vững, với số dư huy động đạt 388.714 tỷ đồng, tăng 75,73% so với thời điểm cuối năm 2024. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 197.608 tỷ đồng, tăng 17,81%; trong khi tổng tiền gửi của khách hàng đạt 177.811 tỷ đồng, tăng 12,30% so với thời điểm cuối năm 2024. Nam A Bank cũng duy trì tốt các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ đạt 11,10%, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất đạt 11,18% và tỷ lệ dự trữ thanh khoản đạt 20,37%. Về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2025 lần lượt đạt 5.254 tỷ đồng và 4.182 tỷ đồng. Ngân hàng tiếp tục kiểm soát chất lượng tín dụng hiệu quả với tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Hình 5: Top 20 NHTM niêm yết và đăng ký giao dịch có lợi nhuận trước thuế và tiền gửi của khách hàng lớn nhất tại thời điểm 31/12/2025

DVT: Tỷ đồng



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất quý 4/2025 của các ngân hàng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

6.2. Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng

Năm 2026 được dự báo là năm thách thức khi tỷ giá, lãi suất và lạm phát sẽ tiếp tục là áp lực đối với ngành ngân hàng. Với diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, cùng thực trạng hoạt động của hệ thống ngân hàng, nhiều khả năng việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN trong năm 2026 sẽ hướng đến sự thận trọng trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu hiện hữu. Để đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế thì tín dụng, lãi suất, tỷ giá, các giải pháp, công cụ chính sách tiền tệ khác sẽ được NHNN điều hành đồng bộ, linh hoạt nhưng không xa rời mục tiêu tăng trưởng kinh tế và ổn định lạm phát. Triển vọng dài hạn của ngành ngân hàng vẫn được đánh giá tích cực nhờ những yếu tố:

- (i) Chất lượng tài sản của các ngân hàng thương mại đã được nâng cao đáng kể, thể hiện qua tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) đạt mức cao nhất từ trước đến nay; thu nhập từ dịch vụ ngày càng tăng, tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm.
- (ii) Các chính sách kích cầu đầu tư, tiêu dùng, hỗ trợ phục hồi thị trường trái phiếu, thị trường bất động sản tiếp tục được Chính phủ, NHNN triển khai quyết liệt.
- (iii) Dự địa tăng trưởng tín dụng còn rất lớn cùng động thái hỗ trợ lãi suất cho vay và

điều chỉnh lãi suất điều hành. Theo định hướng, NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 khoảng 15%, thấp hơn mức tăng khoảng 19,01% của năm 2025, đồng thời vẫn đề ngò khả năng điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến kinh tế thực tế, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng ngân hàng.

6.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Theo NHNN, hiện nay có 49 ngân hàng, bao gồm 31 ngân hàng thương mại cổ phần, 04 ngân hàng thương mại Nhà nước, 02 ngân hàng chính sách, 02 ngân hàng liên doanh, 01 ngân hàng hợp tác xã và 09 chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Dưới đây là nhóm các NHTM tương đương về quy mô tổng tài sản tại ngày 31/12/2025, chi tiết như sau:

Bảng 46: Bảng chỉ tiêu so sánh các ngân hàng

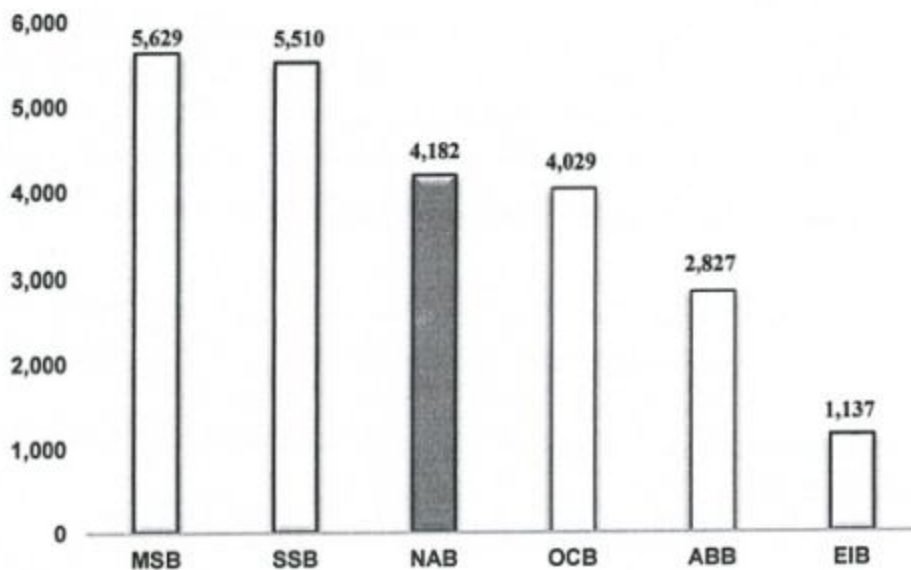
DVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | NAB | MSB | SSB | OCB | EIB | ABB |
|-------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| Tổng tài sản | 418.333 | 407.674 | 396.443 | 322.975 | 273.270 | 220.463 |
| Vốn chủ sở hữu | 23.431 | 42.446 | 40.373 | 33.943 | 26.006 | 16.819 |
| Vốn điều lệ | 17.157 | 31.200 | 28.450 | 26.631 | 18.688 | 10.350 |
| Tiền gửi của khách hàng | 177.811 | 196.672 | 191.807 | 150.030 | 177.304 | 133.411 |
| Cho vay khách hàng | 197.608 | 205.209 | 237.047 | 198.765 | 184.216 | 113.891 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.254 | 7.058 | 6.868 | 5.046 | 1.512 | 3.546 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.182 | 5.629 | 5.510 | 4.029 | 1.137 | 2.827 |
| ROA | 1,22% | 1,55% | 1,53% | 1,33% | 0,44% | 1,42% |
| ROE | 19,20% | 14,20% | 14,62% | 12,28% | 4,45% | 18,33% |

Nguồn: BCTC hợp nhất quý 4/2025 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SSB), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB); Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

Tại ngày 31/12/2025, Nam A Bank được xếp vào nhóm các NHTM có quy mô tổng tài sản khá trong ngành ngân hàng. So với nhóm các NHTM cùng quy mô tổng tài sản, Nam A Bank là ngân hàng có hiệu quả hoạt động tốt nhất với các chỉ số ROA và ROE lần lượt là 1,22% và 19,20%.

Hình 6: Lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng



Nguồn: BCTC hợp nhất quý 4/2025 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB), Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SSB), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB); Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Nam A Bank

7. Cập nhật thông tin mục 11. Chính sách chia lợi nhuận/trả cổ tức tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 52: Chính sách chia lợi nhuận của Nam A Bank trong 02 năm gần nhất

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|-----------|-----------|---------------------|
| Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 25% (*) | 25% (**) | 20% (***) |
| Giá trị (triệu đồng) | 2.645.089 | 3.431.359 | Tối đa 3.431.373 |

Nguồn: Nam A Bank

(*) Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023.

(**) Nam A Bank đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu nêu trên từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật tại ngày 31/12/2024 căn cứ trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024).

(***) HĐQT Nam A Bank dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%.

8. Cập nhật thông tin khoản 8.6 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 47: Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính đến ngày 28/02/2026

| TT | Sản phẩm/dịch vụ thực hiện | Tính năng/tiện ích | Thời điểm triển khai |
|----|--|--|----------------------|
| 50 | Triển khai tính năng mua bán chứng chỉ quỹ của Lighthouse Capital trên Open Banking | Khách hàng sử dụng Open Banking thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản Lighthouse Capital. - Đăng nhập tài khoản Lighthouse Capital. - Mua/bán chứng chỉ quỹ của Lighthouse Capital. | 17/11/2025 |
| 51 | Triển khai nộp thuế qua eTax Mobile bằng tài khoản thanh toán Hộ kinh doanh tại Nam A Bank | Khách hàng hộ kinh doanh dễ dàng liên kết tài khoản và thanh toán thuế một cách nhanh chóng ngay trên thiết bị điện thoại của khách hàng. | 05/12/2025 |
| 52 | Triển khai tính năng truy vấn hoá đơn điện tử trên Open Banking KHCN | Hỗ trợ khách hàng truy vấn hoá đơn điện tử do Nam A Bank phát hành và tải hoá đơn về thiết bị ngay trên Open Banking KHCN, đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu của khách hàng. | 06/12/2025 |
| 53 | Thu hộ học phí cho Trường Cao Đẳng Y tế Bạc Liêu | Sinh viên trường có thể dễ dàng thanh toán học phí thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - QR code được tạo theo chuẩn VietQR trên website nhà trường. - Chức năng thanh toán học phí trên Open Banking. | 22/12/2025 |
| 54 | Thu hộ học phí cho Trường Cao Đẳng Kiến trúc - Xây dựng TP.HCM | Sinh viên trường có thể dễ dàng thanh toán học phí thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - QR code được tạo theo chuẩn VietQR trên website nhà trường. - Chức năng thanh toán học phí trên Open Banking. | 26/12/2025 |
| 55 | Triển khai tính năng cài đặt khoá/mở khoá giao dịch thẻ tại | - Đáp ứng tuân thủ theo Quy định của pháp luật. | 27/12/2025 |



| TT | Sản phẩm/dịch vụ thực hiện | Tính năng/tiện ích | Thời điểm triển khai |
|----|---|--|----------------------|
| | nước ngoài trên Open Banking KHCN | <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng tính năng, gia tăng tiện ích Thẻ cho người dùng trên Open Banking. - Khách hàng có thể chủ động khoá/mở khoá giao dịch thẻ tại nước ngoài trên Open Banking KHCN. | |
| 56 | Triển khai dịch vụ nộp thuế theo mã định danh khoản phải nộp (ID) cho thuế nội địa tại quầy và nộp thuế điện tử | Hỗ trợ khách hàng nộp thuế theo mã định danh khoản phải nộp | 29/12/2025 |
| 57 | Triển khai kết nối giải pháp thanh toán không tiền mặt cho Công ty Cổ phần Phúc Đô (eDoiDep) | <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ thanh toán bằng QR Code: Cho phép khách hàng thực hiện thanh toán nhanh chóng, tiện lợi thông qua việc quét mã QR trực tiếp trên nền tảng của eDoiDep. - Dịch vụ chi hộ (eDoiDep uỷ quyền cho Nam A Bank ghi Nợ TKTT của eDoiDep và ghi Có TKTT của khách hàng theo yêu cầu của eDoiDep): cho phép khách hàng nhận tiền nhanh chóng và thuận tiện thông qua TKTT Nam A Bank của khách hàng trên nền tảng của eDoiDep. | 19/01/2026 |
| 58 | Triển khai dịch vụ mua vé xổ số Vietlott SMS thông qua VNPAY trên app Open Banking KHCN | Khách hàng có thể dễ dàng mua vé số Vietlott SMS và thanh toán trực tiếp trên Open Banking | 30/01/2026 |
| 59 | Triển khai dịch vụ mua vé xem phim trên Open Banking | Khách hàng có thể thực hiện mua vé xem phim tại ứng dụng Open Banking | 30/01/2026 |
| 60 | Triển khai tính năng xác nhận giao dịch trực tuyến của Thẻ trên Open Banking KHCN | Tính năng cho phép khách hàng đăng ký để Nam A Bank xác nhận giao dịch thanh toán trực tuyến thẻ theo tiêu chuẩn 3D Secure, mà không yêu cầu thêm | 30/01/2026 |

| TT | Sản phẩm/dịch vụ thực hiện | Tính năng/tiện ích | Thời điểm triển khai |
|----|----------------------------|---|----------------------|
| | | việc xác thực chủ thẻ từ phía khách hàng với số tiền giao dịch ≤ 30.000 VND/lần | |

Nguồn: Nam A Bank

❖ **Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Nam A Bank**

Việc triển khai đồng bộ các dự án phát triển Open Banking đã góp phần quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số của Nam A Bank, giúp đa dạng hóa nguồn thu, gia tăng tỷ lệ CASA, mở rộng hệ sinh thái khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường ngân hàng bán lẻ. Mặc dù làm gia tăng chi phí đầu tư công nghệ trong ngắn hạn, các dự án này dự kiến mang lại hiệu quả tài chính tích cực và bền vững trong trung và dài hạn, đặc biệt thông qua tăng trưởng thu nhập dịch vụ và tối ưu hóa chi phí vận hành.

9. **Cập nhật thông tin khoản 8.7 Chiến lược kinh doanh tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực thực hiện**

– Đối với nguồn vốn

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Nam A Bank đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 thêm tối đa 4.281.376.380.000 đồng, nâng vốn điều lệ từ mức 13.725.505.530.000 đồng lên mức 18.006.881.910.000 đồng.

Ngày 11/07/2025, Nam A Bank đã hoàn tất đợt phát hành 343.135.927 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Báo cáo kết quả phát hành số 946/2025/BCQT-NHNA ngày 17/07/2025, tương ứng với mức vốn điều lệ tăng thêm là 3.431.359.270.000 đồng. Vốn điều lệ sau đợt phát hành là 17.156.864.800.000 đồng.

Nhằm củng cố năng lực tài chính và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh năm 2026, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ năm 2026 với các nội dung sau:

Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 thêm tối đa 5.431.372.960.000 đồng, nâng vốn điều lệ từ mức 17.156.864.800.000 đồng lên mức 22.588.237.760.000 đồng, trong đó:

- Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026: Tối đa 3.431.372.960.000 đồng, tương ứng với 343.137.296 cổ phiếu.
- Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 (ESOP): Tối đa 1.000.000.000.000 đồng, tương ứng với 100.000.000 cổ phiếu.
- Tăng vốn điều lệ từ việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026: Tối đa

1.000.000.000.000 đồng, tương ứng với 100.000.000 cổ phiếu.

– Đối với nguồn lực thực hiện

Số lượng nhân sự của Nam A Bank và Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 5.565 người, riêng Nam A Bank là 5.490 người. Nam A Bank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của Nam A Bank, đảm bảo hiệu quả hoạt động, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.

10. Cập nhật thông tin mục 9. Danh sách cổ đông lớn tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Bảng 48: Danh sách cổ đông lớn của Nam A Bank tại thời điểm 28/02/2026

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Quốc tịch | Địa chỉ | Số đăng ký kinh doanh | Vốn điều lệ | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành |
|----|-----------------------------------|---------------|-----------|---|---|-------------|---|--|
| 1 | Công ty TNHH Rông Thái Bình Dương | 1999 | Việt Nam | 600 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. HCM | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301835179 do Sở KH&ĐT TP HCM cấp lần đầu ngày 07/10/1999 | 800 tỷ đồng | Hà Học Duy – Chức vụ: Tổng Giám đốc | Hà Học Duy – Chức vụ: Tổng Giám đốc |

Nguồn: Nam A Bank

– Số lượng cổ phần (cổ phần): 155.997.421 cổ phần.

– Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 9,092%.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

11. Cập nhật thông tin mục 10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng tại Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

11.1. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị của Nam A Bank

❖ Ông Trần Ngọc Tâm – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 1.047.146 cổ phần, chiếm 0,0611% vốn điều lệ. Bao gồm:

| TT | Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|------------------------|-------------|--------------------|----------------|
| 1 | Bà Trần Kiều Thương | Em | 1.045.996 | 0,0610% |
| 2 | Bà Trần Ngọc Xuân An | Con | 1.150 | 0,0001% |
| | Tổng cộng | | 1.047.146 | 0,0611% |

Nguồn: Nam A Bank

11.2. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 51: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Nam A Bank

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|-----------------------|--|--------------------|---------------|
| 1 | Ông Trần Khải Hoàn | Thành viên HĐQT kiêm Quyền Tổng Giám đốc | 4.610.621 | 0,269% |
| 2 | Ông Hoàng Việt Cường | Phó Tổng Giám đốc | 4.916.207 | 0,287% |
| 3 | Ông Hà Huy Cường | Phó Tổng Giám đốc | 4.916.207 | 0,287% |
| 4 | Ông Lê Anh Tú | Phó Tổng Giám đốc | 4.930.286 | 0,287% |
| 5 | Ông Nguyễn Vĩnh Tuyên | Phó Tổng Giám đốc | 4.955.858 | 0,289% |
| 6 | Ông Võ Hoàng Hải | Phó Tổng Giám đốc | 4.916.207 | 0,287% |
| 7 | Bà Hồ Nguyễn Thúy Vy | Phó Tổng Giám đốc | 4.751.688 | 0,277% |
| 8 | Ông Huỳnh Thanh Phong | Phó Tổng Giám đốc | 115.271 | 0,007% |
| 9 | Ông Nguyễn Minh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | 3.757.928 | 0,219% |
| 10 | Bà Lâm Kim Khôi | Phó Tổng Giám đốc | 3.685.543 | 0,215% |
| 11 | Ông Hoàng Hải Vương | Phó Tổng Giám đốc | - | - |

| TT | Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|----------------------|--|-----------------------|------------------|
| 12 | Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan | Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng | 216.338 | 0,013% |

Nguồn: Nam A Bank

❖ Ông Hà Huy Cường – Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 21.693 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.

| TT | Tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|---------------------------|-------------|--------------------|----------------|
| 1 | Bà Hà Thị Lan | Em | 1.915 | 0,0001% |
| 2 | Bà Hà Thị Phương Vi | Em | 19.778 | 0,0012% |
| | Tổng cộng | | 21.693 | 0,0013% |

Nguồn: Nam A Bank

❖ Bà Hồ Nguyễn Thúy Vy – Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 4.751.688 cổ phần, chiếm 0,277% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 4.751.688 cổ phần, chiếm 0,277% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.

❖ Bà Lâm Kim Khôi – Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 3.685.543 cổ phần, chiếm 0,215% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 3.685.543 cổ phần, chiếm 0,215% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.

❖ Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan – Giám đốc Khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Số cổ phần Ngân hàng TMCP Nam Á đang nắm giữ: 216.338 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 216.338 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.

12. **Cập nhật thông tin mục 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

- ❖ **Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 của Nam A Bank**

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

- ❖ **Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31/12/2025 của Nam A Bank**

“Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.”

13. **Cập nhật thông tin mục 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

- ❖ **Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ chức phát hành:**

- Tổ chức xếp hạng tín nhiệm: Moody's Investors Service Singapore Pte. Ltd.
- Thời điểm xếp hạng tín nhiệm: 12/02/2026.
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm: Moody's xác nhận xếp hạng tiền gửi của Nam A Bank ở mức B2. Đồng thời, điều chỉnh triển vọng từ ổn định (stable) lên tích cực (positive).

| TT | Tiêu chí | Xếp hạng | Triển vọng |
|----|--|----------|------------|
| 1 | Xếp hạng tiền gửi dài hạn (bảng nội tệ) | B2 | Tích cực |
| 2 | Xếp hạng tiền gửi dài hạn (bảng ngoại tệ) | B2 | Tích cực |
| 3 | Xếp hạng tiền gửi ngắn hạn (bảng nội tệ) | NP | |
| 4 | Xếp hạng tiền gửi ngắn hạn (bảng ngoại tệ) | NP | |
| 5 | Xếp hạng nhà phát hành dài hạn (bảng nội tệ) | B2 | |

| TT | Tiêu chí | Xếp hạng | Triển vọng |
|----|--|----------|------------|
| 6 | Xếp hạng nhà phát hành dài hạn (bảng ngoại tệ) | B2 | |
| 7 | Xếp hạng nhà phát hành ngắn hạn (bảng nội tệ) | NP | |
| 8 | Xếp hạng nhà phát hành ngắn hạn (bảng ngoại tệ) | NP | |
| 9 | Đánh giá tín dụng cơ sở | b3 | |
| 10 | Đánh giá tín dụng cơ sở đã điều chỉnh | b3 | |
| 11 | Xếp hạng rủi ro đối tác dài hạn (bảng nội tệ) | B1 | |
| 12 | Xếp hạng rủi ro đối tác dài hạn (bảng ngoại tệ) | B1 | |
| 13 | Xếp hạng rủi ro đối tác ngắn hạn (bảng nội tệ) | NP | |
| 14 | Xếp hạng rủi ro đối tác ngắn hạn (bảng ngoại tệ) | NP | |
| 15 | Đánh giá rủi ro đối tác dài hạn | B1(cr) | |
| 16 | Đánh giá rủi ro đối tác ngắn hạn | NP (cr) | |

Nguồn: Báo cáo xếp hạng tín nhiệm của Moody's

14. Cập nhật thông tin mục 5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Nam A Bank tại Phần V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

14.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông của Nam A Bank thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Bảng 67: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Nam A Bank

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2025 | Năm 2026 | |
|--|--------------------|--------------------|-----------------------------|
| | | Kế hoạch (dự kiến) | % tăng/giảm so với năm 2025 |
| Tổng tài sản | 418.333 | 480.000 | 14,74% |
| Huy động vốn | 211.119 | 280.000 | 32,63% |
| Dư nợ cho vay cá nhân, tổ chức kinh tế | 198.263 | 240.000 | 21,05% |

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2025 | Năm 2026 | |
|--|--------------------|---|-----------------------------|
| | | Kế hoạch (dự kiến) | % tăng/giảm so với năm 2025 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.254 | 6.200 | 18,01% |
| Tỷ lệ chia cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 20% (*) | <i>Tỷ lệ chia cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận của năm tài chính 2026 sẽ do ĐHĐCĐ thường niên của Nam A Bank thông qua.</i> | |

Nguồn: Nam A Bank

(*) HĐQT Nam A Bank dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận nêu trên được xây dựng dựa trên mô hình hoạt động hiện tại của Nam A Bank, được dự báo dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm trước, định hướng/chiến lược phát triển của Nam A Bank và dự báo phát triển của ngành ngân hàng trong thời gian tới. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch năm 2026, Nam A Bank tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm sau:

- Chuyển đổi mô hình quản trị theo hướng chuyên môn hóa cao, quản lý theo chiều dọc, thống nhất chuỗi Quản trị - Kinh doanh - Vận hành - Phê duyệt; đồng thời chuẩn hóa chính sách, giảm tầng nấc trung gian, tăng tốc độ ra quyết định.
- Triển khai chiến lược kinh doanh “Tốc độ - Khác biệt - Dữ liệu”, phát triển kinh doanh dựa trên dữ liệu hành vi và năng lực thị trường, lấy khách hàng làm trung tâm; đẩy mạnh phát triển và khai thác hiệu quả kênh OneBank; đồng thời hoàn thiện hệ thống KPI định lượng, gắn chặt cơ chế đánh giá, khen thưởng và chế tài trong triển khai kế hoạch kinh doanh.
- Phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị ngành nghề, từng bước chuyển dịch từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, tiện ích và các cơ chế mở linh hoạt, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Xây dựng hệ thống vận hành tinh gọn, thông suốt, lấy kỷ cương và chuẩn mực làm nền tảng; định hình phong cách phục vụ Nhanh - Chuẩn - Có cảm xúc, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ vận hành và cải thiện trải nghiệm khách hàng trên toàn hệ thống.
- Quản trị rủi ro song hành cùng kinh doanh, tăng cường giám sát, kiểm tra và định hướng hệ thống; chủ động đánh giá khẩu vị rủi ro đối với các chính sách mới, bảo đảm cân bằng giữa tăng trưởng và an toàn, hướng đến bảo vệ lợi ích bền vững của khách hàng và cổ đông.

- Điều hành tài chính theo hướng chủ động và hiệu quả, nâng cao hiệu quả sinh lời, cải thiện giá vốn, tối ưu cấu trúc tài sản - nguồn vốn; đẩy mạnh tăng trưởng thu hoạt động dịch vụ và kiểm soát chặt chẽ chi phí. Đồng thời xây dựng lộ trình cải thiện NIM theo hướng bền vững, gắn với nâng cao chất lượng toàn diện các chỉ số tài chính.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, chủ động kéo giảm nợ quá hạn, tăng cường xử lý nợ xấu, cải thiện các chỉ số an toàn và hiệu quả hoạt động.
- Chuyển dịch từ chuyển đổi số sang dẫn dắt xu hướng số, phát triển hệ sinh thái mở và các giải pháp công nghệ chuyên biệt; đồng thời hoàn thiện hạ tầng dữ liệu lõi, tăng cường bảo mật và an ninh mạng, bảo đảm hệ thống vận hành an toàn, liên tục và minh bạch.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuẩn hóa về năng lực và văn hóa, giúp mỗi cá nhân nhận thức vai trò trong sứ mệnh chung; ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực hiện hữu, chuyển đổi từ “làm việc theo nhiệm vụ” sang “làm việc theo giá trị”, tiếp tục lan tỏa Văn hóa Trà - lấy Con người làm gốc và văn hóa làm nền tảng cạnh tranh bền vững.
- Bồi đắp giá trị thương hiệu Nam A Bank, gắn xây dựng thương hiệu với định hướng phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, thúc đẩy tài chính xanh và chuyển đổi số nhằm bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và lợi ích cộng đồng; đồng thời kiên định triển khai Chiến lược Ngân hàng Trà như trụ cột bản sắc và biểu tượng văn hóa Việt đương đại.

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua

HDQT dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét chấp thuận chủ trương về việc góp vốn, mua cổ phần như sau:

- (i) Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh: bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; bảo hiểm;
- (ii) Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực: quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, dịch vụ trung gian thanh toán; thông tin tín dụng;
- (iii) Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
- (iv) Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác ngoài các lĩnh vực quy định tại điểm (iii) nêu trên theo quy định pháp luật ban hành từng thời kỳ.

Giao HDQT quyết định hình thức, phương thức, trình tự, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật hiện hành. HDQT báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ ĐHĐCĐ thường niên lần tiếp theo.

14.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2026

Nhằm củng cố năng lực tài chính và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh năm 2026, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ năm 2026 với các nội dung sau:

Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 thêm tối đa 5.431.372.960.000 đồng, nâng vốn điều lệ từ mức 17.156.864.800.000 đồng lên mức 22.588.237.760.000 đồng, trong đó:

- Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026: Tối đa 3.431.372.960.000 đồng, tương ứng với 343.137.296 cổ phiếu.
- Tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 (ESOP): Tối đa 1.000.000.000.000 đồng, tương ứng với 100.000.000 cổ phiếu.
- Tăng vốn điều lệ từ việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2026: Tối đa 1.000.000.000.000 đồng, tương ứng với 100.000.000 cổ phiếu.

15. Cập nhật thông tin mục 5. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm tại Phần IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Moody's Investors Service Singapore Pte. Ltd.

Trụ sở chính: 71 Robinson Road #05-01/02 Singapore 068895

Điện thoại: (+852) 3551 3077

Website: www.moodys.com

16. Các nội dung khác: Giữ nguyên như Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Nam A Bank ký ngày 24/11/2025.

17. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 100/2026/NQQT-NHNA ngày 19/01/2026 về việc triển khai chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á ra công chúng năm 2025 - Đợt 2.
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (riêng lẻ và hợp nhất).

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

V. CHỮ KÝ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khai Hoàn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hoàng Hải

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Thị Tuyết Nga

GIÁM ĐỐC KHỐI TÀI CHÍNH KIỂM
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mỹ Lan

**ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC VỤ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Tấn Thư

NAM A BANK – HỘI SỞ
201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM
[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688
[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

Số: 100/2026/NQQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v triển khai chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á ra công chúng năm 2025 - Đợt 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á đã được sửa đổi, bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/07/2024;

Căn cứ Quyết định số 1642/2024/QĐQT-NHNA ngày 28/10/2024 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng TMCP Nam Á;

Căn cứ Nghị quyết số 729/2025/NQQT-NHNA ngày 05/06/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á về việc thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng, trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Ngân hàng TMCP Nam Á và niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 449/GCN-UBCK ngày 27/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Tờ trình số 11/2026/TTr-NHNA-TT.13 ngày 12/01/2026 của Trung tâm Tự doanh về việc triển khai chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á ra công chúng năm 2025 - Đợt 2 đã được Quyền Tổng giám đốc thông qua;

Căn cứ Biên bản biểu quyết của các Thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thống nhất triển khai chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á ra công chúng năm 2025 - Đợt 2 theo nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 2.** Giao Quyền Tổng giám đốc chỉ đạo các cá nhân, bộ phận có liên quan triển khai thực hiện theo phê duyệt của Hội đồng quản trị, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Khu vực, Trưởng Phòng/Ban/Văn phòng/Trung tâm/Chi nhánh/Phòng Giao dịch/Văn phòng Khu vực/Văn phòng đại diện/Công ty con Ngân hàng TMCP Nam Á và các cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Thị Tuyết Nga

PHỤ LỤC
TRIỂN KHAI PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP NAM Á
RA CÔNG CHỨNG NĂM 2025 – ĐỢT 2

(Đính kèm Nghị quyết số 100/2026/NQQT-NHNA ngày 19/04/2026
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á)

Ngân hàng TMCP Nam Á triển khai Phương án phát hành Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á ra công chúng năm 2025 – Đợt 2 như sau:

1. Tên trái phiếu: Trái Phiếu Nam A Bank phát hành ra công chúng năm 2025 (Trái Phiếu).
2. Mã trái phiếu: NAB202502.
3. Loại trái phiếu: Trái Phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm. Trái phiếu là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành.
4. Đồng tiền phát hành: Việt Nam Đồng.
5. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái Phiếu.
6. Giá chào bán: Giá chào bán bằng 100% mệnh giá tương đương 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (Một) trái phiếu.
7. Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu.
8. Kỳ hạn trái phiếu 07 (bảy) năm.
9. Số lượng chào bán trái phiếu (Đợt 2): 10.000.000 Trái Phiếu (Mười triệu Trái Phiếu).
10. Tổng giá trị chào bán trái phiếu (Đợt 2) theo mệnh giá: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng).
11. Lãi suất: Lãi suất của Trái phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ

- Biên độ 5 năm đầu: 2,8%/năm (Hai phẩy tám phần trăm/năm).
- Biên độ từ năm thứ 6: 3,4%/năm (Ba phẩy bốn phần trăm/năm).

Trong đó:

- Lãi Suất Tham Chiếu: đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân (nếu chữ số thập phân ở hàng thứ ba bằng hoặc lớn hơn 5 thì số được làm tròn lên; nếu chữ số thập phân thứ ba nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống).
- Ngân Hàng Tham Chiếu: bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”).

- Ngày Xác Định Lãi Suất:

- Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất đầu tiên: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Phát Hành.
 - Đối với Kỳ Xác Định Lãi Suất tiếp theo: “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày bắt đầu của mỗi Kỳ Xác Định Lãi Suất.
 - Kỳ Xác Định Lãi Suất: 12 (mười hai) tháng/lần.
 - Kỳ Tính Lãi: 12 (mười hai) tháng/lần.
12. Kỳ thanh toán lãi: 12 tháng/lần.
 13. Địa điểm tổ chức đợt phát hành: Trụ sở chính, Trung tâm kinh doanh, các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Nam Á trên toàn quốc. Chi tiết các Chi nhánh/Phòng giao dịch đăng tải tại <https://www.namabank.com.vn>.
 14. Thời gian phân phối Trái Phiếu (Đợt 2): Dự kiến Quý I/2026 – Quý II/2026, sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2.